

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO - LAFCHEMCO

(Giấy CNĐKKD và đăng ký thuế số 2600108471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 29/12/2009, thay đổi lần thứ 2 ngày 06/09/2011)

# BẢN CÁO BẠCH

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký Niêm yết số 38 / QĐ - SGDHN  
do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 21 tháng 02 năm 2012)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa điểm sau từ ngày 21/02/2012:

### CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Trụ sở chính: Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Website: [www.supelamthao.vn](http://www.supelamthao.vn)

Điện thoại: (84-210) 3825 139

Fax: (84-210) 3825 126

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS (website: [www.kls.vn](http://www.kls.vn))

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3772 6868

Fax: (84.4) 3772 6131

Chi nhánh TP.HCM: Tầng 2, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84.8) 3823 3923

Fax: (84.8) 3827 7380

### Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Lê Hồng Thắng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: 0913 282 430

Fax: (84-210) 3825 126

Lâm Thao - Phú Thọ, năm 2012

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO - LAFCHEMCO**

*(Giấy CNĐKKD và đăng ký thuế số 2600108471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư  
tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 29/12/2009, thay đổi lần thứ 2 ngày 06/09/2011)*

# **BẢN CÁO BẠCH**

## **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

*(Đăng ký Niêm yết số ...../GCN-SGDCKHN  
do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày ..... tháng ..... năm 2012)*

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa điểm sau từ ngày .../...../2012:**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO**

**Trụ sở chính:** Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

**Website:** [www.supelamthao.vn](http://www.supelamthao.vn)

**Điện thoại:** (84-210) 3825 139

**Fax:** (84-210) 3825 126

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS ([website: www.kls.vn](http://www.kls.vn))**

**Trụ sở chính:** 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

**Điện thoại:** (84.4) 3772 6868

**Fax:** (84.4) 3772 6131

**Chi nhánh TP.HCM:** Tầng 2, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM

**Điện thoại:** (84.8) 3823 3923

**Fax:** (84.8) 3827 7380

### **Phụ trách công bố thông tin:**

**Ông:** Lê Hồng Thắng

**Chức vụ:** Kế toán trưởng

**Điện thoại:** 0913 282 430

**Fax:** (84-210) 3825 126

**Lâm Thao - Phú Thọ, năm 2012**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO - LAFCHEMCO**

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2600108471 do  
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 29/12/2009, thay đổi lần 2 ngày 06/09/2011)*

### **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao

**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu

**Tổng số lượng niêm yết** : 54.050.000 (Năm mươi tư triệu không trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu

**Tổng giá trị niêm yết** : 540.500.000.000 (Năm trăm bốn mươi tỷ năm trăm triệu) đồng  
(theo mệnh giá)

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**



#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

**Trụ sở chính** : 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

**Điện thoại** : (84-4) 3772 6868 **Fax:** (84-4) 3772 6131

**Chi nhánh  
Tp.Hồ Chí Minh** : Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị  
Minh Khai, Quận 3, HCM

**Điện thoại** : (84-8) 3823 3923 **Fax:** (84-8) 3827 7380

#### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**



#### **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM**

**Trụ sở chính** : 160 Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội

**Điện thoại** : (84-4) 3868 9566 **Fax:** (84-4) 3868 6248

**Website** : [www.kiemtoanava.com.vn](http://www.kiemtoanava.com.vn)

---

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>1</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về luật pháp .....	2
3. Rủi ro đặc thù ngành nghề.....	3
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết.....	4
5. Rủi ro khác .....	4
<b>PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>5</b>
1. Tổ chức Niêm yết .....	5
2. Tổ chức Tư vấn niêm yết.....	5
<b>PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>6</b>
<b>PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>	<b>7</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	7
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý .....	13
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông .....	20
4. Danh sách những công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết .....	21
5. Hoạt động kinh doanh.....	22
6. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	39
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	41
8. Chính sách đối với người lao động .....	42
9. Chính sách cổ tức, cổ phiếu .....	44
10. Tình hình hoạt động tài chính .....	44
11. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .....	50
12. Tài sản .....	66
13. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức các năm tiếp theo .....	66
14. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của LAFCHEMCO.....	68
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết .....	68
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	68
<b>PHẦN V: CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....</b>	<b>69</b>
1. Tên cổ phiếu:.....	69
2. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: .....	69
3. Loại cổ phiếu:.....	69
4. Mệnh giá: .....	69

5.	Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: .....	69
6.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty.....	69
7.	Phương pháp tính giá .....	71
8.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	72
9.	Các loại thuế có liên quan .....	73
<b>PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>		<b>74</b>
<b>PHẦN VII: PHỤ LỤC .....</b>		<b>75</b>





## PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái, v.v... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và LAFCHEMCO nói riêng.

#### *Tốc độ tăng trưởng kinh tế*

Năm 2010, cùng với sự hồi phục của các nền kinh tế lớn trên thế giới, nhu cầu trong và ngoài nước gia tăng, GDP cả năm 2010 tăng 6,78% so với năm 2009, vượt mục tiêu tăng trưởng 6,5% đề ra. Đây là mức tăng khá cao so với mức tăng 5,32% của cùng kỳ năm trước<sup>1</sup>. Bước sang 2011, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2011 tăng 5,89%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4%, đóng góp 0,66 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,53%, đóng góp 2,32 điểm phần trăm và khu vực dịch vụ tăng 6,99%, đóng góp 2,91 điểm phần trăm. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2011 theo giá so sánh 1994 ước tính tăng 5,2% so với năm 2010, bao gồm: Nông nghiệp tăng 4,8%; lâm nghiệp tăng 5,7%; thủy sản tăng 6,1%<sup>2</sup>. Là doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực phân bón hóa chất phục vụ cho nông – lâm nghiệp, tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, nhất là trong ngành nông – lâm nghiệp là cơ hội tốt để Supe Lâm Thao phát triển ngày càng lớn mạnh.

Để tránh những rủi ro có thể xảy ra do biến động của tốc độ tăng trưởng kinh tế, LAFCHEMCO đã xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận.

#### *Lãi suất*

Năm 2009, với việc duy trì lãi suất cho vay tương đối ổn định, cùng với việc tăng trưởng tín dụng cao đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn tín dụng. Tuy nhiên, bước vào năm 2010, nhất là thời điểm cuối năm 2010, và trong năm 2011, lãi suất huy động tăng cao, dẫn tới việc tiếp cận nguồn vốn kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn và chi phí lãi vay cũng ảnh hưởng lớn đến kế hoạch doanh thu – lợi nhuận của các doanh nghiệp. Báo cáo của Tổng cục thống kê cho thấy tổng phương tiện thanh toán năm 2011 tăng 10% so với tháng 12/2010; tổng dư nợ tín dụng tăng 12% thấp hơn nhiều so với kế hoạch (kế hoạch tổng phương tiện thanh toán là 15-16% và tổng dư nợ tín dụng dưới 20%)<sup>3</sup>.

Là Công ty sản xuất và kinh doanh phân bón - mặt hàng có tính thời vụ, tiền thu được từ bán hàng tập trung theo thời vụ trong khi Công ty vẫn phải duy trì sản xuất liên tục trong năm, nên Công ty luôn phải duy trì một lượng tiền mặt hợp lý đáp ứng các nhu cầu thanh toán. Do đó, lượng tiền mặt của Công ty lớn mặc dù các khoản vay nợ của Công ty cũng là khá lớn. Tỷ lệ nợ/ vốn chủ sở

<sup>1</sup> <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=403&idmid=2&ItemID=11979>

<sup>2</sup> <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507&ItemID=12128>

<sup>3</sup> <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507&ItemID=12128>

hữu của LAFCHEMCO tương đối cao (năm 2009, 2010, và 2011 lần lượt ở mức 3,01; 1,59 và 1,57 lần). Tuy nhiên, Công ty đang cơ cấu lại tỷ trọng vốn vay (tỷ lệ nợ/vốn chủ đã giảm dần qua các năm). Bên cạnh đó, là doanh nghiệp lâu năm có uy tín hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hoá chất cơ bản phục vụ cho nhu cầu của người dân, LAFCHEMCO luôn có những ưu tiên trong việc tiếp cận nguồn vốn cũng như ưu đãi về lãi suất. Công ty cũng đã xem xét thận trọng trong việc đặt mục tiêu kết quả kinh doanh nhằm đảm bảo không bị ảnh hưởng từ biến động về tình hình lãi suất và khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng.

### **Lạm phát**

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả nước, tính đến hết năm 2010 đã tăng 11,75% so với năm trước, tăng cao hơn rất nhiều so với mục tiêu kiềm chế lạm phát ở mức 7-8% đã đề ra cho năm 2010<sup>4</sup>. Trong năm 2011, lạm phát đã trở nên khó kiểm soát do sự tăng giá mạnh trong các mặt hàng thiết yếu như lương thực thực phẩm. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2011 tăng 18,58% so với bình quân năm 2010, tuy nhiên mức tăng chỉ số giá đã có xu hướng giảm dần trong các tháng cuối năm<sup>5</sup>. Lạm phát cao khiến mặt bằng giá cả trong nước biến động khó lường ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp về cả mặt bằng đầu vào và đầu ra cũng như các hoạch định chiến lược của doanh nghiệp.

### **Tỷ giá hối đoái**

Đối với những doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu thì rủi ro tỷ giá hối đoái là rất đáng quan tâm vì biến động tỷ giá đang diễn ra mạnh mẽ và thường xuyên. Từ đầu năm 2010 đến nay, tỷ giá liên tục leo thang bất chấp những chính sách nhằm bình ổn tỷ giá của nhà nước. Đỉnh điểm là tháng 02 năm 2010, tỷ giá đô la Mỹ đạt mốc 20.880 đồng/USD.<sup>6</sup> Trong những tháng gần đây, tỷ giá VND/USD đã có những biến động bất thường sau khi đã ổn định trong Quý II và Quý III. Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty - trong đó có lưu huỳnh phục vụ sản xuất axit sunfuric, chủ yếu là nhập khẩu, nên biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản xuất sản phẩm. Khi tỷ giá tăng làm cho chi phí đầu vào tăng ảnh hưởng đến giá thành và năng lực cạnh tranh của Công ty. Rủi ro này được phản ánh trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh và đòi hỏi doanh nghiệp phải có những công cụ, chính sách quản lý linh động (cân đối thời điểm để nhập khẩu lưu huỳnh, xây dựng các kho lưu sản phẩm nhập khẩu...) để giảm bớt tác động của nó.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm phân bón phục vụ cho hoạt động nông nghiệp, song do chưa có luật điều chỉnh riêng đối với thị trường này, các văn bản chỉ đạo vẫn chỉ mang tính chất vụ việc. Do vậy, cũng như các Doanh nghiệp Việt Nam khác, văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động của Công ty hiện nay là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, hệ thống các văn bản dưới Luật còn đang trong giai đoạn hoàn thiện, với không ít điều khoản được

<sup>4</sup> <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=628&ItemID=10824>

<sup>5</sup> <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507&ItemID=12128>

<sup>6</sup> <http://www.xe.com/currencycharts/?from=USD&to=VND&view=2Y> truy cập ngày 08/02/2012

thay đổi và chỉnh sửa. Đây là vấn đề thực tế và cần được LAFCHEMCO đặc biệt lưu tâm.

Bên cạnh đó, với tư cách là một công ty đại chúng và sẽ niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty còn phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **3. Rủi ro đặc thù ngành nghề**

Sản phẩm đầu ra của Công ty chủ yếu phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, người tiêu dùng là những người nông dân có thu nhập thấp. Do đó các yếu tố ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những yếu tố đó có thể bao gồm:

- Thời tiết: Việt Nam nằm trong vành đai khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều. Trong những năm gần đây, với sự nóng lên của Trái đất cùng những thay đổi phức tạp của thời tiết khiến thiên tai thường xuyên xảy ra như: mưa lớn gây lũ lụt, hạn hán kéo dài...ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của bà con nông dân. Chính điều này đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ phân bón của Công ty. Đây là một rủi ro bất khả kháng và khó dự báo đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Mùa vụ: hiện tại ở Việt Nam có 02 vụ chính là vụ đông xuân và vụ hè thu. Trong thời gian của các vụ, sản phẩm của Công ty được tiêu thụ rất tốt, đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Tuy nhiên, quãng thời gian giữa các vụ mùa, trong khi hoạt động sản xuất vẫn phải duy trì thì sản lượng tiêu thụ lại không được cao dẫn đến các áp lực về hàng tồn kho và chi phí, tăng rủi ro hoạt động của Công ty trong những giai đoạn này. Tuy nhiên, với kinh nghiệm hơn 40 năm hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phân bón, Công ty luôn chủ động lập kế hoạch nguồn vốn, sản xuất để đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, giảm thiểu các rủi ro về mùa vụ.
- Chính sách quản lý, điều tiết của Nhà nước: là một đất nước nông nghiệp với phần đông dân số hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, Chính phủ Việt Nam hết sức quan tâm và thường xuyên có chính sách điều tiết các mặt hàng có liên quan chặt chẽ đến hoạt động sản xuất nông nghiệp như: phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây trồng, vật nuôi ... để đảm bảo cho ngành nông nghiệp được ổn định, đảm bảo đời sống của người nông dân. Những chính sách điều tiết này có thể ảnh hưởng trọng yếu đến chiến lược kinh doanh cũng như hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Môi trường: Là Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước. Công ty đã phối hợp với nhiều đơn vị về môi trường (Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ Môi trường...) phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm và kiểm tra chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng liên tục cải tiến các dây chuyền nhằm tăng năng suất và hạn chế , giảm bớt các thành phần độc hại trong sản phẩm thải. Tuy vậy, tùy theo chiến lược phát triển về môi trường của Nhà nước, các tiêu chuẩn về xử lý chất thải, về bảo vệ môi trường... có thể thay đổi từ đó có thể làm gia tăng chi phí hoạt động cho Công ty, giảm



hiệu quả hoạt động.

#### **4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết**

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,.... Để giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao đã ban hành quy chế Công bố thông tin. Công ty và các cá nhân có liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 09/2010/TT-BTC ban hành ngày 15/01/2010 quy định về Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

#### **5. Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Khủng hoảng kinh tế, chiến tranh... ảnh hưởng đến việc nhập khẩu nguyên vật liệu vốn là một trong những yếu tố sản xuất quan trọng của Công ty. Vì vậy, Công ty thường thu thập, nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty đang cung cấp cho phù hợp.

**PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**1. Tổ chức Niêm yết**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO**

Ông : <b>Nguyễn Quốc Tuấn</b>	Chức vụ:	Chủ tịch HĐQT
Ông : <b>Nguyễn Duy Khuyển</b>	Chức vụ :	Tổng Giám đốc
Ông : <b>Lê Hồng Thắng</b>	Chức vụ:	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Ông : <b>Nguyễn Văn Hiệu</b>	Chức vụ:	Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**2. Tổ chức Tư vấn niêm yết**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

Ông : <b>Phạm Vĩnh Thành</b>	Chức vụ:	Tổng Giám đốc
------------------------------	----------	---------------

*(Theo Giấy ủy Quyền số 168/2011/UQ-KLS ngày 01/07/2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long)*

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao cung cấp.

### **PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM**

<b>Công ty</b>	:	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
<b>Tổ chức đăng ký niêm yết</b>	:	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
<b>LAFCHEMCO</b>	:	Tên viết tắt bằng tiếng Anh Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
<b>KLS</b>	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long
<b>UBCKNN</b>	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
<b>HNX</b>	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
<b>VSD</b>	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
<b>ĐHĐCĐ</b>	:	Đại hội đồng cổ đông
<b>HĐQT</b>	:	Hội đồng quản trị
<b>BKS</b>	:	Ban Kiểm soát
<b>Giấy CNĐKKD</b>	:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
<b>Sở KH&amp;ĐT</b>	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>Tập đoàn HCVN</b>	:	Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam <sup>7</sup>
<b>XN</b>	:	Xí nghiệp
<b>TCVN</b>	:	Tiêu chuẩn Việt Nam

<sup>7</sup> Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, trước là Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2180 TTg ngày 23/12/2009 của Thủ tướng Chính Phủ. Ngày 23 tháng 6 năm 2010, tại Quyết định số 953/ QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam do Nhà nước làm chủ sở hữu.

## PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHÓT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

Tên giao dịch đối ngoại: LAM THAO FERTILIZERS & CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: LAFCHEMCO

Logo:



Trụ sở chính: Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: (84.210) 3825 139 Fax: (84.210) 3825 126

Website: [www.supelamthao.vn](http://www.supelamthao.vn)

Giấy chứng nhận ĐKKD: Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2600108471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 29/12/2009, thay đổi lần thứ 2 ngày 06/09/2011<sup>8</sup>

Vốn điều lệ: 540.500.000.000 (Năm trăm bốn mươi tỷ năm trăm triệu) đồng

Cơ cấu vốn điều lệ:

**Bảng 1. Cơ cấu vốn điều lệ**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu (theo mệnh giá)	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)
1	Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	37.735.625	377.356.250.000	69,82
	Người đại diện:			
	- Nguyễn Quốc Tuấn	10.710.625	107.106.250.000	19,82
	- Nguyễn Duy Khuyển	5.405.000	54.050.000.000	10,00
	- Chử Văn Nguyên	5.405.000	54.050.000.000	10,00
	- Tạ Đức Lương	5.405.000	54.050.000.000	10,00
	- Nguyễn Văn Quý	5.405.000	54.050.000.000	10,00
	- Lê Hồng Thắng	5.405.000	54.050.000.000	10,00
2	Vốn góp của các cổ đông khác	16.314.375	163.143.750.000	30,18
	<b>Tổng cộng</b>	<b>54.050.000</b>	<b>540.500.000.000</b>	<b>100,00</b>

<sup>8</sup> Công ty được UBCKNN công nhận là Công ty đại chúng theo công văn số 1501/UBCK-QLPH ngày 26/05/2010

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 20/12/2011 của LAFCHEMCO)

**Ngành nghề kinh doanh** (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2600108471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 29/12/2009, thay đổi lần thứ 02 ngày 06/09/2011):

- ❖ Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- ❖ Buôn bán xi măng;
- ❖ Vận tải hành khách đường bộ khác;
- ❖ Buôn bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- ❖ Buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ❖ Cho thuê ô tô;
- ❖ Dạy nghề: Tư vấn, dạy nghề, đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề;
- ❖ Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ bể bơi;
- ❖ Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- ❖ Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- ❖ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- ❖ Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- ❖ Sản xuất xi măng;
- ❖ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ❖ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ❖ Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- ❖ Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- ❖ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ❖ Khách sạn;
- ❖ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, thiết kế, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, công trình đường dây, trạm biến áp, các công trình điện thế đến 35KV. Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn, thẩm định, giám sát thi công các công trình xây dựng. Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế. dự toán, tổng dự toán công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn đầu thầu và tư vấn giám sát xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất.
- ❖ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ❖ Vận tải hành khách đường thủy nội địa;



- ❖ Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- ❖ Sản xuất bao bì từ plastic;
- ❖ Sản xuất kinh doanh các loại phân bón: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm hóa chất (*trừ những hóa chất nhà nước cấm kinh doanh và có chứng chỉ hành nghề*). Sản xuất kinh doanh điện; nước; xi măng; xăng; dầu; mỡ công nghiệp; sơn; đá; đất sét; than; chất dẻo; gạch không nung; vôi; phèn các loại; khí công nghiệp; bao bì các loại; thức ăn chăn nuôi; các sản phẩm phục vụ nuôi trồng thủy sản; các sản phẩm phục vụ các ngành khai khoáng. Dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ cho thuê xe. Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho doanh nghiệp (*kê khai hải quan*). Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao: tennis, bóng đá, bóng chuyền.

## 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

### ▪ Hình thành và bảo vệ sản xuất

Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (*tiền thân là nhà máy Supe Phốt phát Lâm Thao*) được Đảng, chính phủ và nhân dân Liên - Xô (*nay là Liên bang Nga*) giúp đỡ và được khởi công xây dựng ngày 08/06/1959 trên diện tích khoảng 73 ha thuộc thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ. Sau 3 năm xây dựng, nhà máy Supe phốt phát Lâm Thao đã cất băng khánh thành và chính thức đi vào sản xuất ngày 24/06/1962. Công suất ban đầu của nhà máy là 40.000 tấn axit sunfuric/năm và 100.000 tấn supe lân/năm.

Một sự kiện đáng nhớ được ghi vào lịch sử Nhà máy, đó là ngày 19/08/1962 nhà máy vinh dự được đón Bác Hồ về thăm. Trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, nhà máy đã thực sự “vừa là hậu phương, vừa là tiền phương”. Nhà máy tổ chức đại đội tự vệ phòng không phối hợp với bộ đội đánh trả máy bay Mỹ vừa bảo vệ Nhà máy vừa sản xuất.



Toàn cảnh Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa Chất Lâm Thao

▪ **Mở rộng hoạt động sản xuất**

Sau chiến tranh, Công ty đã 4 lần cải tạo, mở rộng, nâng cao công suất sản xuất:

Đợt cải tạo, mở rộng	Thời gian cải tạo, mở rộng	Nội dung
I	1973 – 1974	Nâng công suất của thiết kế sản xuất Axít sunfuric từ 40.000 tấn/năm lên 60.000 tấn/năm; Supe lân từ 100.000 tấn/năm lên 175.000 tấn/năm.
II	1980 – 1984	Đầu tư xây dựng thêm một dây chuyền sản xuất Axít sunfuric (số 2) công suất 120.000 tấn/năm và một dây chuyền sản xuất supe lân (số 2) công suất 200.000 tấn/năm
III	1988 – 1994	Đầu tư chiều sâu, phát huy năng lực của các dây chuyền sản xuất đưa công suất lên 500.000 tấn supe lân/năm.
IV	1999 – 2004	Đầu tư xây dựng thêm 1 dây chuyền sản xuất Axít sunfuaric số 3, công suất 40.000 tấn/năm theo công nghệ tiếp xúc kép, hấp thụ 2 lần. Đồng thời, cải tạo mở rộng nâng công suất xí nghiệp Supe 2 lên 450.000 tấn supe lân/năm, đưa tổng sản lượng supe lân lên 750.000 tấn/năm; sản lượng Axít sunfuric lên 250.000 tấn/năm

▪ **Đầu tư đổi mới công nghệ và sản xuất sản phẩm mới**

Trong quá trình hoạt động, tập thể CBCNV của Công ty luôn tìm tòi và nỗ lực đầu tư đổi mới công nghệ và phát triển các sản phẩm mới:

Công nghệ/Sản phẩm mới	Thời gian	Nội dung
Phân bón hỗn hợp NPK	1985	Nghiên cứu, sản xuất thử thành công phân bón hỗn hợp NPK
Phân bón hỗn hợp NPK	1998	Xây dựng một dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK công suất 10.000 tấn/năm. Cải tạo, nâng công suất lên 100.000 tấn/năm
Phân bón hỗn hợp NPK	1999 – 2000	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất phân hỗn hợp NPK (XN NPK số 1) công suất 150.000 tấn/năm
Phân bón hỗn hợp NPK	2002	Đầu tư tiếp dây chuyền sản xuất NPK số 2, thiết bị hiện đại có sấy, cấp liệu, đóng bao tự động công suất 150.000 tấn/năm
Phân bón hỗn hợp NPK	2003	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất phân hỗn hợp NPK công suất 150.000 tấn/năm tại Xí nghiệp phân bón và Hóa chất Hải Dương (Chi nhánh của Công ty tại Cẩm Giàng, Hải Dương).
Công nghệ sản xuất Axít sunfuric	2003	Đầu tư cải tạo chuyển đổi dây chuyền A xít 2 từ công nghệ đốt quặng Pirit sang đốt bằng nguyên liệu lưu huỳnh với công nghệ hiện đại, chấm dứt hoàn toàn việc thải xỉ pirit ra môi trường.
Phân bón hỗn hợp NPK	2004 – 2005	Tập trung đầu tư, ứng dụng những tiến bộ khoa học vào phục vụ sản xuất, nghiên cứu thêm các sản phẩm mới. Công ty đầu tư cải tạo, nâng công suất dây chuyền NPK 100.000 tấn/năm

Công nghệ/Sản phẩm mới	Thời gian	Nội dung
		lên 150.000 tấn/năm (số 3) có sấy, đóng bao tự động, đưa tổng công suất NPK của Công ty lên 600.000 tấn/năm
Đóng bao supe lân tự động	2004	Đầu tư xây dựng 4 dây chuyền đóng bao supe lân tự động, công suất 690.000 tấn/năm
Phát điện từ hơi nhiệt thừa	2005	Đầu tư xây dựng xưởng phát điện từ hơi nhiệt thừa công suất 3MW
Supe lân nung chảy	2010	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất lân nung chảy 300.000 tấn/năm

▪ **Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang mô hình công ty cổ phần**

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Công Thương và Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty, ngày 22/12/2009, sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết Công ty đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Ngày 01/01/2010, Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2600108471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29/12/2009).<sup>9</sup>

Năm 2010, năm đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, đã đạt được những thành tựu to lớn:

- Doanh thu tiêu thụ 3.609 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế 383,6 tỷ đồng;

Với thắng lợi to lớn trong năm đầu tiên thực hiện cổ phần hóa, đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2010 tổ chức ngày 19/04/2011 đã thông qua phương án trả cổ tức 15% bằng tiền mặt và 25% bằng cổ phiếu. Trong Quý III năm 2011, Công ty đã hoàn tất việc trả cổ tức cho cổ đông và chính thức tăng vốn điều lệ lên 540.500.000.000 (Năm trăm bốn mươi tỷ năm trăm triệu) đồng

Trong gần 50 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao đã luôn thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước; cải thiện môi trường, môi sinh, việc làm và đời sống thu nhập cho người lao động năm sau cao hơn năm trước. Năm 2010, thu nhập bình quân của người lao động là 5,5 triệu đồng/người/tháng. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên và hội cựu chiến binh của Công ty luôn vững mạnh, vận động công nhân lao động tích cực tham gia vào công tác nhân đạo, từ thiện; quyên góp ủng hộ quỹ vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, đồng bào bị lũ lụt; chăm sóc nuôi dưỡng 15 bà mẹ

<sup>9</sup> Công ty được cấp GCNĐKKD hoạt động dưới CTCP từ ngày 29/12/2009, tuy nhiên do yêu cầu về việc chuẩn bị điều lệ, bộ máy quản lý, Công ty đã tổ chức họp ĐHĐCĐ lần đầu vào ngày 22/12/2009. Việc bàn giao, chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức CTCP được thực hiện từ ngày 31/12/2009 theo biên bản quyết toán cổ phần hóa và quyết định số 306/QĐ-HCVN về việc chia cắt niên độ kế toán của Công ty được thực hiện từ ngày 31/12/2009, do đó BCTC giai đoạn CTCP lập từ ngày 01/01/2010.

Việt Nam Anh hùng; thăm, tặng quà thương binh, gia đình liệt sỹ trong công nhân viên chức và trên địa bàn khu dân cư; tham gia xây dựng kiên cố hóa trường học....

### 1.3. Những danh hiệu cao quý

Với những thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động văn hóa xã hội kể trên, Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao đã và đang khẳng định vị thế là một doanh nghiệp sản xuất phân bón hàng đầu của Việt Nam, xứng đáng là điểm sáng công nghiệp và đặc biệt là xứng đáng với danh hiệu cao quý mà Nhà nước đã phong tặng: Anh hùng Lao động; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới; Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba....

Một số danh hiệu tiêu biểu mà Công ty đã đạt được:



**Anh hùng Lao động (1985)**



**Huân chương Hồ Chí Minh**



**Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới**

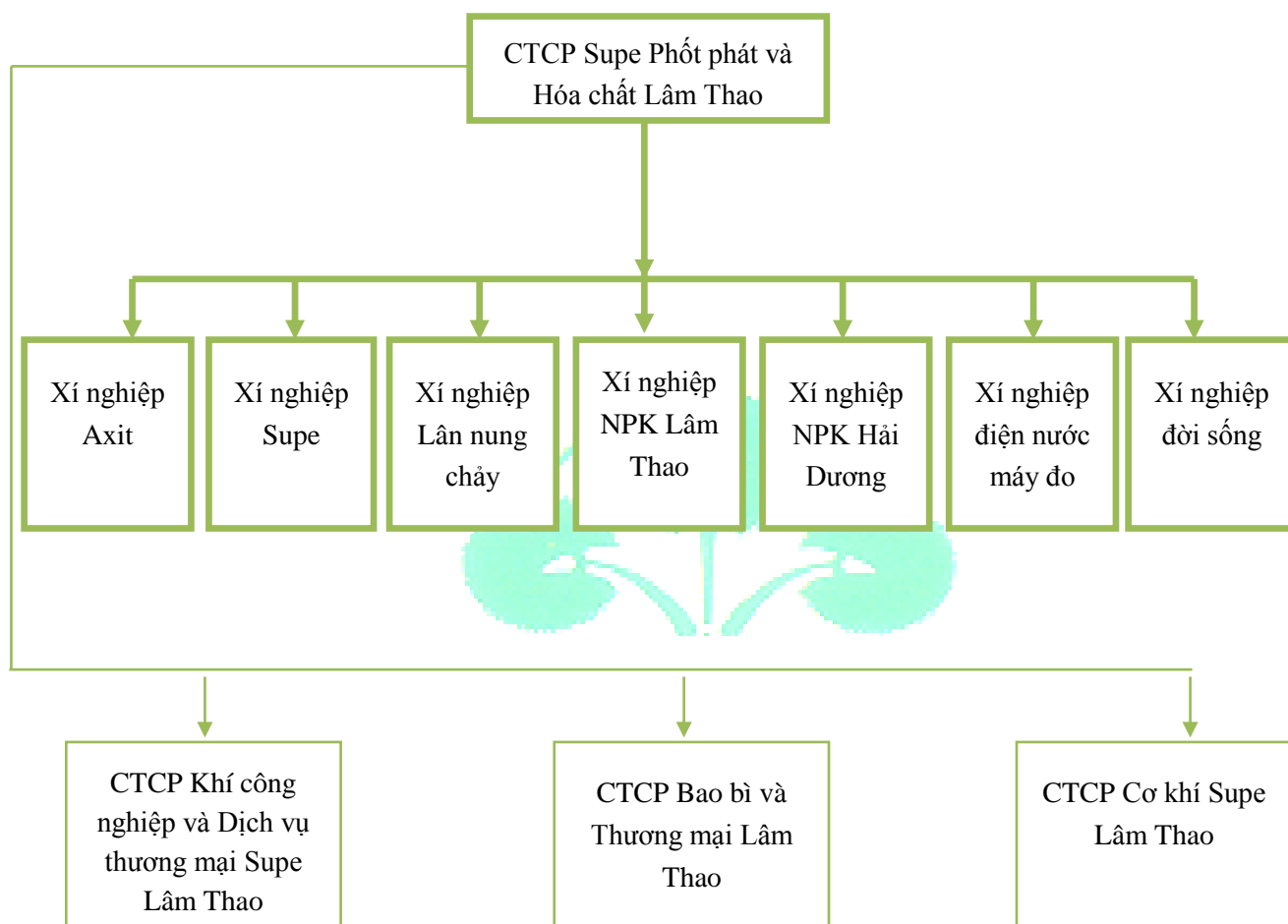


**Huân chương độc lập hạng Nhất**



**Huân chương lao động hạng Nhất**

## 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm Trụ sở chính, 07 xí nghiệp trực thuộc và 03 công ty liên kết. Trong đó:

### ▪ Trụ sở chính:

Địa chỉ: Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: (84-210) 3825 139 Fax: (84-210) 3825 126

### ▪ Xí nghiệp trực thuộc (07 xí nghiệp):

Stt	Tên xí nghiệp	Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức
1	Xí nghiệp Axit	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chuyên sản xuất axit sunfuric và một số sản phẩm hóa chất khác;</li><li>- Hạch toán phụ thuộc Công ty;</li><li>- Chịu sự quản lý chỉ đạo trực tiếp: Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật</li></ul>
2	Xí nghiệp Supe	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chuyên sản xuất supe lân đơn, trừ sâu công nghiệp.</li><li>- Hạch toán phụ thuộc Công ty;</li><li>- Chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp: Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật</li></ul>



Stt	Tên xí nghiệp	Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức
3	Xí nghiệp Lân nung chảy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên sản xuất phân lân bằng phương pháp nung chảy;</li> <li>- Hạch toán phụ thuộc Công ty;</li> <li>- Chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp: Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật.</li> </ul>
4	Xí nghiệp NPK	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên sản xuất NPK và các sản phẩm khác;</li> <li>- Hạch toán phụ thuộc Công ty;</li> <li>- Chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp: Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật.</li> </ul>
5	Xí nghiệp NPK Hải Dương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên sản xuất NPK và sản phẩm phân đơn, phân kép;</li> <li>- Hạch toán phụ thuộc Công ty;</li> <li>- Chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp: Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật.</li> </ul>
6	Xí nghiệp Điện nước máy đo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phục vụ cung cấp điện, hơi, nước cho sản xuất, sinh hoạt của Công ty;</li> <li>- Hạch toán báo số tiền tới hạch toán phụ thuộc Công ty;</li> <li>- Chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp: Phó Tổng Giám đốc thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản.</li> </ul>
7	Xí nghiệp đời sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phục vụ nấu ăn giữa ca cho người lao động trong Công ty;</li> <li>- Hạch toán báo số tiền tới hạch toán phụ thuộc Công ty;</li> <li>- Chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp: Phó Tổng Giám đốc thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản.</li> </ul>

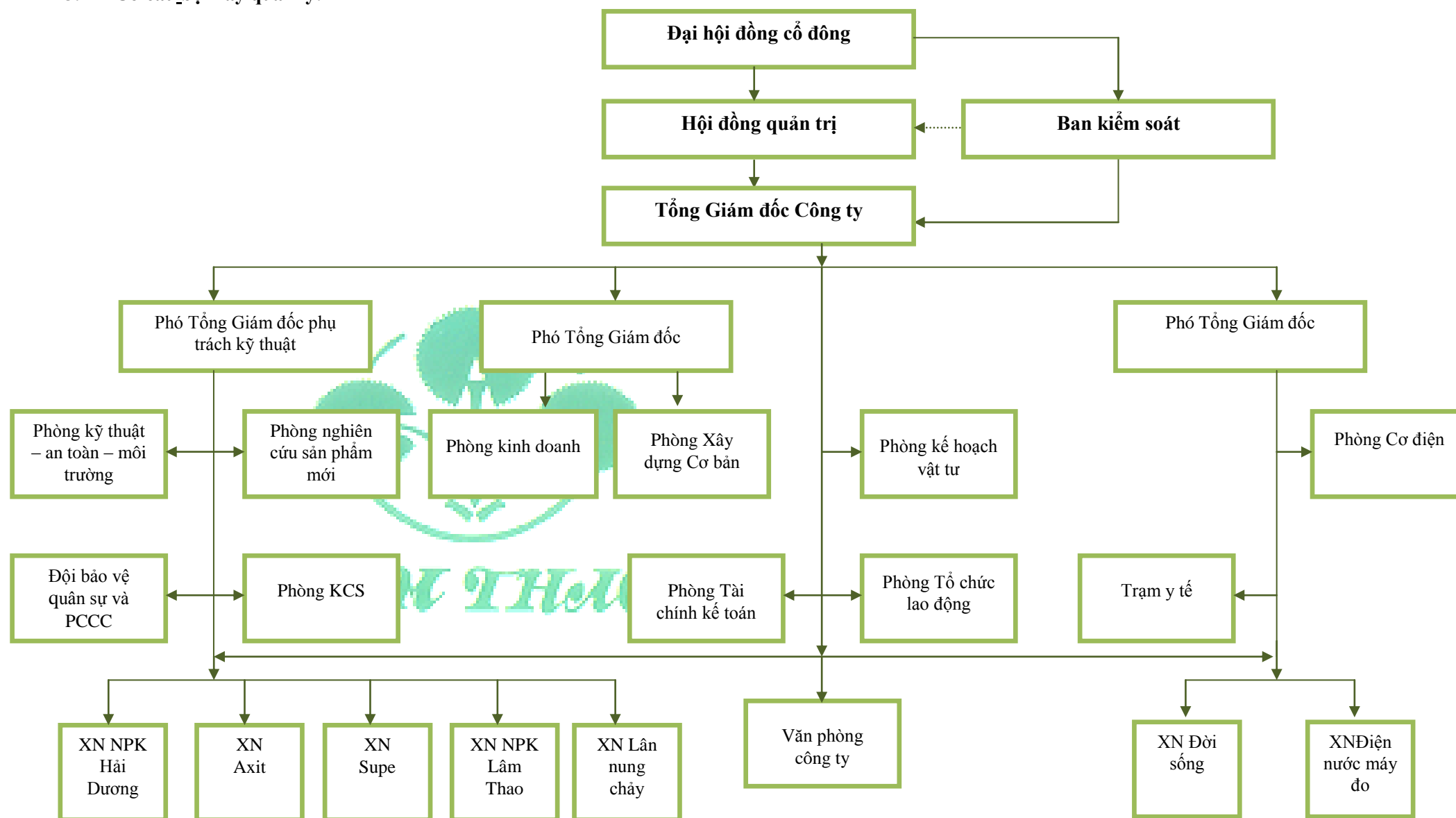
▪ **Danh sách các Công ty liên kết (03 công ty):**

Stt	Công ty	Ngành nghề kinh doanh
1	<b>Công ty Cổ phần Khí công nghiệp và Dịch vụ thương mại Supe Lâm Thao</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giấy CNĐKKD số 1803000330 đăng ký lần đầu ngày 18/08/2005 do Sở KH&amp;ĐT tỉnh Phú Thọ cấp;</li> <li>▪ Vốn điều lệ đăng ký: 5.900.000.000 đồng;</li> <li>▪ Vốn góp của LAFCHEMCO: 1.629.880.000 đồng, chiếm 27,63% vốn điều lệ;</li> <li>▪ Đại diện quản lý phần vốn: Ông Nguyễn Bá Nhọn<sup>10</sup></li> </ul>	<b>Ngành nghề kinh doanh chính:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sản xuất kinh doanh Ôxy, Nitơ và các loại khí sạch;</li> <li>▪ Mua bán hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị, máy nông ngư cơ, các loại phân bón thuốc trừ sâu ...;</li> <li>▪ Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.</li> </ul>
2	<b>Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Lâm Thao</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giấy CNĐKKD số 1803000420 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2006 do Sở KH&amp;ĐT tỉnh Phú</li> </ul>	<b>Ngành nghề kinh doanh chính:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm bao bì;</li> </ul>

<sup>10</sup> Ông Nguyễn Bá Nhọn, là Phó Tổng Giám đốc Công ty, tuy nhiên hiện đang làm thủ tục nghỉ hưu theo chế độ từ tháng 11/2011.

Stt	Công ty	Ngành nghề kinh doanh
	<p>Thọ cấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Vốn điều lệ đăng ký: 14.500.000.000 đồng;</li> <li>Vốn góp của LAFCHEMCO: 4.470.225.130 đồng, chiếm 30,83% vốn điều lệ;</li> <li>Đại diện quản lý phần vốn: Ông Tạ Đức Lương – Phó Chủ tịch HĐQT (20,83%); Ông Văn Khắc Minh – Trưởng phòng Kỹ thuật, an toàn, môi trường (10%).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh doanh các bán sản phẩm bao bì.</li> </ul>
3	<p><b>Công ty Cổ phần Cơ khí Supe Lâm Thao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giấy CNĐKKD số 1803000530 đăng ký lần đầu ngày 14/08/2007 do Sở KH&amp;ĐT tỉnh Phú Thọ cấp;</li> <li>Vốn điều lệ đăng ký: 8.600.000.000 đồng;</li> <li>Vốn góp của LAFCHEMCO: 3.010.000.000 đồng, chiếm 35% vốn điều lệ;</li> <li>Đại diện quản lý phần vốn: Ông Nguyễn Bá Nhọn – (25%); Ông Nguyễn Thành Công – Phó Tổng Giám đốc (10%).</li> </ul>	<p><b>Ngành nghề kinh doanh chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh doanh các loại phôi đúc bằng gang;</li> <li>Kinh doanh, chế tạo, lắp đặt và sửa chữa các máy, thiết bị, kết cấu kim loại, nhà xưởng, sàn thao tác.</li> </ul>

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý:



Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông sáng lập thông qua ngày 22/12/2009 và sửa đổi, bổ sung lần 2 ngày 19/04/2011, phù hợp với Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X - kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Bộ máy quản lý của Công ty gồm:

***Đại hội đồng cổ đông:***

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

***Hội đồng quản trị:***

Số thành viên của HĐQT gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm<sup>11</sup>. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

<sup>11</sup> Hiện tại, trong HĐQT có 5/7 thành viên độc lập không tham gia điều hành.

- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**Danh sách thành viên HĐQT**

- |                         |                                  |
|-------------------------|----------------------------------|
| - Ông Nguyễn Quốc Tuấn  | Chủ tịch HĐQT                    |
| - Ông Tạ Đức Lương      | Phó Chủ tịch thường trực         |
| - Ông Nguyễn Duy Khuyển | Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  |
| - Ông Chử Văn Nguyên    | Ủy viên HĐQT                     |
| - Ông Nguyễn Văn Quý    | Ủy viên HĐQT                     |
| - Ông Lê Hồng Thắng     | Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng |
| - Ông Nguyễn Khang      | Ủy viên HĐQT                     |

**Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát bao gồm 05 thành viên, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

**Danh sách thành viên BKS:**

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Ông Nguyễn Văn Hiệu       | Trưởng BKS  |
| - Ông Phạm Khắc Toàn        | Ủy viên BKS |
| - Ông Nguyễn Duy Việt       | Ủy viên BKS |
| - Bà Nguyễn Thị Hương Giang | Ủy viên BKS |
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy   | Ủy viên BKS |

**Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm: 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.



Tổng Giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám Đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có 03 Phó Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc là người tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực chuyên môn được giao.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

- |                         |                   |
|-------------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Duy Khuyến | Tổng Giám đốc     |
| - Ông Nguyễn Thành Công | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Trần Ngọc Bách    | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Phạm Quang Tuyền  | Phó Tổng Giám đốc |

**Các phòng ban chức năng của Công ty:**

Stt	Phòng ban chức năng	Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức
1	Văn phòng công ty	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp bởi Tổng Giám đốc, tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực hành chính, văn phòng và một số mặt công tác khác.</li> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là công tác quản trị văn phòng; tham mưu và xây dựng các quy chế quản lý nội bộ như: hành chính phí, công tác phí, tiếp khách...; công tác thi đua tuyên truyền, pháp chế;... và một số công tác khác do Tổng Giám đốc phân công.</li> </ul>
2	Phòng Kế hoạch – Vật tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và mua sắm vật tư nguyên nhiên</li> </ul>

		<p>liệu phục vụ sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là hoạch định chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài hạn của Công ty; xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, giá thành sản xuất của Công ty theo từng tháng, quý, năm; xây dựng, lập kế hoạch và thực hiện mua sắm, sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu...</li> </ul>
3	Phòng Tài chính – Kế toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính, kế toán của Công ty.</li> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là xây dựng Quy chế quản lý tài chính; Tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý và sử dụng các nguồn vốn, bảo toàn vốn của Công ty theo đúng chế độ quản lý tài chính; quản lý và sử dụng tài sản, quản lý nợ, hàng tồn kho, mua sắm vật tư, tài sản cố định; quản lý và phân phối lợi nhuận...</li> </ul>
4	Phòng Tổ chức – Lao động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách xã hội.</li> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là xây dựng Quy chế đào tạo, sử dụng cán bộ; Quy chế quản lý và phân phối tiền lương; tham mưu cho Tổng Giám đốc tổ chức bộ máy quản lý, bố trí nhân sự; xây dựng và hoàn thiện chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị trong toàn Công ty; tổ chức quản lý điều phối lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng ngày; tham mưu cho Tổng Giám đốc giải quyết các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động.</li> </ul>
5	Phòng Kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu Tổng Giám đốc, tham mưu giúp việc Phó Tổng Giám đốc tiêu thụ trong công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm của Công ty.</li> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là xây dựng quy chế quản lý bán hàng và quản lý doanh thu bán hàng; nghiên cứu nắm bắt thị trường, thông tin quảng cáo giới thiệu sản phẩm, đề xuất các cơ chế, chính sách bán hàng, lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm theo tháng, quý, năm; dự thảo hợp đồng kinh tế, phối hợp với phòng Tài chính – Kế toán quản lý, đôn đốc thu hồi công nợ.</li> </ul>
6	Phòng KCS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu của Tổng Giám đốc, trực tiếp giúp việc Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật trong công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm do Công ty sản xuất và chất lượng nguyên nhiên vật liệu trước khi nhập kho.</li> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là kiểm tra chất lượng toàn bộ sản phẩm, bán sản phẩm trước khi xuất ra khỏi Công ty; kiểm tra chất lượng toàn bộ nguyên nhiên vật liệu trước khi nhập kho; thực hiện một số nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.</li> </ul>
7	Phòng Xây dựng cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu của Tổng Giám đốc, trực tiếp giúp việc Phó Tổng Giám đốc Thiết bị và đầu tư trong lĩnh vực quản lý thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản.</li> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là xây dựng Quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đầu tư, xây</li> </ul>

		dựng cơ bản của Công ty; giám sát thi công các Công trình, dự án được Tổng Giám đốc giao; nghiệm thu, bàn giao, đưa các công trình thi công vào hoạt động...
8	Phòng Kỹ thuật, An toàn và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu của Tổng Giám đốc, trực tiếp giúp việc Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật trong lĩnh vực kỹ thuật và an toàn lao động.</li> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là xây dựng các quy trình, quy phạm kỹ thuật trong các dây chuyền sản xuất; chủ trì công tác quản lý chất lượng theo ISO; giám sát chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành toàn bộ máy móc thiết bị trong Công ty; kiểm tra giám sát kỹ thuật An toàn lao động, Vệ sinh công nghiệp và môi trường...</li> </ul>
9	Phòng Nghiên cứu sản phẩm mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu của Tổng Giám đốc, trực tiếp giúp việc Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật trong lĩnh vực nghiên cứu sản xuất thử các sản phẩm mới.</li> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là nghiên cứu đề tài khoa học nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống, phát triển sản phẩm mới; xây dựng các quy trình, phương pháp phân tích sản phẩm hàng hóa, chỉ đạo công tác phân tích sản phẩm hàng hóa, làm trọng tài về chuyên môn phân tích giữa bộ phận phân tích các đơn vị và Phòng KCS; lập chi phí sản xuất thực nghiệm, hạch toán và đánh giá hiệu quả nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đưa vào sản xuất quy mô Công ty...</li> </ul>
10	Phòng Cơ điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phòng chức năng tham mưu Tổng Giám đốc, trực tiếp giúp việc Phó Tổng Giám đốc thiết bị và đầu tư XD CB trong các lĩnh vực: quản lý kỹ thuật sửa chữa về cơ, điện, nước, hơi, máy đo; giám sát thi công các công trình đầu tư XD CB với chức năng B tự làm, các công trình sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên; công tác điều vận đường sắt trong phạm vi Công ty quản lý.</li> <li>- Nhiệm vụ chính của phòng là lập kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm các công trình thiết bị cơ, điện, nước, hơi, máy đo và tổ chức chỉ đạo thực hiện; thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị, máy móc toàn Công ty đảm bảo ổn định sản xuất...</li> </ul>

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông**

**4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của LAFCHEMCO**

**Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

(Tại thời điểm ngày 20/12/2011)

STT	Nội dung	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu (theo mệnh giá)	Tỷ lệ (%)
1	<b>Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam</b>	<b>37.735.625</b>	<b>377.356.250.000</b>	<b>69,82</b>
	Người đại diện:			
	- Nguyễn Quốc Tuấn	10.710.625	107.106.250.000	19,82
	- Nguyễn Duy Khuyến	5.405.000	54.050.000.000	10,00
	- Chử Văn Nguyên	5.405.000	54.050.000.000	10,00

- Tạ Đức Lương	5.405.000	54.050.000.000	10,00
- Nguyễn Văn Quý	5.405.000	54.050.000.000	10,00
- Lê Hồng Thắng	5.405.000	54.050.000.000	10,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.735.625</b>	<b>377.356.250.000</b>	<b>69,82</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 20/12/2011 của LAFCHEMCO)

#### 4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của Công ty số 2600108471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 29/12/2009, thay đổi lần 2 ngày 06/09/2011, Công ty không có cổ đông sáng lập (do Công ty chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định của Chính phủ số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/09/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp).

#### 4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty

**Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty**

(Tại thời điểm 20/12/2011)

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>2503</b>	<b>50.135.585</b>	<b>92,76</b>
• Tổ chức	09	40.516.540	74,96
• Công đoàn Công ty	01	187.500	0,35
• Cá nhân	2493	9.431.545	17,45
<b>Cổ đông ngoài nước</b>	<b>03</b>	<b>3.914.415</b>	<b>7,24</b>
• Tổ chức	3	3.914.415	7,24
• Cá nhân	0	0	0
<b>Tổng số</b>	<b>2506</b>	<b>54.050.000</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 20/12/2011 của LAFCHEMCO)

#### 5. Danh sách những công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

##### 5.1. Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với LAFCHEMCO:

###### Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Địa chỉ : 1A Tràng Tiền – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Quyết định thành lập : 953/QĐ-TTg ngày 23/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ

Số cổ phần sở hữu : 37.735.625

Tỷ lệ sở hữu tại LAFCHEMCO : 69,82% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính : - Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước; sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng; công nghiệp hóa chất, hóa dược, hóa dầu; công nghiệp chế biến cao su; công nghiệp khai thác mỏ.

- Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành công nghiệp hóa chất; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

**5.2. Các công ty con do LAFCHEMCO nắm giữ cổ phần chi phối: Không có**

**5.3. Các công ty liên doanh, liên kết của LAFCHEMCO: Xem tại mục IV.2**

## **6. Hoạt động kinh doanh**

### **6.1 Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm**

#### **6.1.1 Các nhóm sản phẩm/ dịch vụ của LAFCHEMCO**

Với kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành phân bón hóa chất, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao đã liên tục đưa ra thị trường các loại sản phẩm có chất lượng tốt, phù hợp với nhiều loại đất và cây trồng khác nhau. Hiện nay, Công ty sản xuất hơn 50 loại sản phẩm phân bón và hóa chất. Trong đó, sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản phẩm của Công ty là: supe lân Lâm Thao, NPK Lâm Thao và các loại Axit sunfuric. Ngoài ra, Công ty còn sản xuất các sản phẩm khác như phèn đơn, phèn kép, thuốc trừ sâu công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác như sunfit, bisunfit, bột giặt, bao PP, vôi, gạch không nung phục vụ cho các ngành công nghiệp, quốc phòng và tiêu dùng.

***Các nhóm sản phẩm chính của Công ty như sau:***

#### **▪ Phân hỗn hợp NPK**

Phân hóa học hay phân vô cơ là những hóa chất chứa các chất dinh dưỡng thiết yếu cho cây được bón vào cây nhằm tăng năng suất, có các loại phân bón hóa học chính: phân đạm, phân lân, phân kali. Loại phân NPK là loại phân chuyên cung cấp cho cây trồng 3 nguyên tố dinh dưỡng này. Phân đạm (N) là loại dinh dưỡng quan trọng nhất, có tác dụng làm cây xanh tốt, sinh trưởng chiều cao và khối lượng thân lá, hình thành hoa quả, mầm chồi. Phân lân (P) có tác dụng tốt cho việc ra rễ, ra hoa. Phân kali (K) có tác dụng tốt cho việc tổng hợp đường bột, xellulo, làm cây cứng cáp, giúp trái lớn nhanh, hạt mẩy, tăng độ ngọt và màu sắc.

Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao hiện sản xuất tiêu thụ trên thị trường gần 40 loại phân bón NPK khác nhau. Trong đó các sản phẩm có sản lượng sản xuất và tiêu thụ lớn là: NPK-S



5.10.3-8, NPK-S 12.5.10-14, NPK-S 10.5.5-3, NPK-S 8.8.4-7<sup>12</sup>.

Để giúp người tiêu dùng từ bỏ thói quen sử dụng phân đơn để chuyển sang sử dụng phân bón kép một cách cân đối, hợp lý, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả phân bón, Công ty đã phối hợp với Viện nông hóa thổ nhưỡng nghiên cứu thử nghiệm và sản xuất nhiều chủng loại NPK phù hợp với từng loại cây trồng và có đầy đủ quy trình hướng dẫn sử dụng. Đặc biệt đã có quy trình hướng dẫn sử dụng bón phân khép kín và được phổ biến rộng rãi mang lại lợi ích kinh tế lớn cho người sử dụng.

### Một số sản phẩm phân NPK của Công ty

**NPK-S 5.10.3-8**



**NPK-S 12.5.10-14**



**NPK-S 10.5.5-3**



#### ▪ Supe lân Lâm Thao

Lân là nguyên tố có vai trò quan trọng trong đời sống của cây trồng. Lân có trong thành phần của hạt nhân tế bào, rất cần cho việc hình thành các bộ phận mới của cây. Lân kích thích sự phát triển của rễ cây, kích thích quá trình đẻ nhánh, nảy chồi, thúc đẩy cây ra hoa kết quả sớm và nhiều. Lân làm tăng đặc tính chống chịu của cây đối với các yếu tố không thuận lợi: chống rét, chống hạn, chịu độ chua của đất, chống một số loại sâu bệnh hại v.v... Thiếu lân không những làm cho năng suất cây trồng giảm mà còn hạn chế hiệu quả của phân đạm. Supe lân có 16% – 20% lân nguyên chất. Phân lân dễ hoà tan trong nước cho nên cây dễ sử dụng. Phân thường phát huy hiệu quả nhanh, ít bị rửa trôi.

Supe lân Lâm Thao sản xuất bằng phương pháp hóa học có hàm lượng  $P_2O_5$  hữu hiệu 16%-16,5%, hàm lượng lưu huỳnh dạng ion 11% ngoài ra còn chứa các nguyên tố vi lượng khác. Supe lân Lâm

<sup>12</sup> Trên bao bì của phân NPK thường có 3 số chính. Số đầu nhằm chỉ hàm lượng Đạm, quy ra % Nitơ (N) nguyên chất. Số thứ 2 nhằm chỉ hàm lượng Lân, quy ra % oxit photpho ( $P_2O_5$ ). Số thứ 3 nhằm chỉ hàm lượng Kali, quy ra % oxit kali ( $K_2O$ ). Ngoài ra, có thể một số bao bì còn ghi thêm một số chất khác như Lưu Huỳnh, Canxi, Magie v.v.. Đối với Lưu Huỳnh thường được tính bằng % lưu huỳnh nguyên chất (S), Canxi được tính bằng % oxit canxi (CaO), Magie được tính bằng % oxit magie (MgO).

Thao có thể dùng được cho mọi loại đất và cây trồng. Supe lân Lâm Thao rất được ưa chuộng trên thị trường Việt Nam.

#### **Supe Lân Lâm Thao**



#### ▪ **Axit Sunfuric**

Axit Sunfuric do Công ty sản xuất chủ yếu dùng nội bộ để sản xuất phân supe lân. Ngoài ra công ty còn sản xuất Axit Sunfuric tinh khiết (*P*) và tinh khiết phân tích (*Pa*), axit ắc quy phục vụ các ngành kinh tế quốc dân.

Bên cạnh các mặt hàng truyền thống, Công ty còn sản xuất các sản phẩm hóa chất khác theo khả năng của Công ty và nhu cầu của thị trường.

#### **6.1.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm**

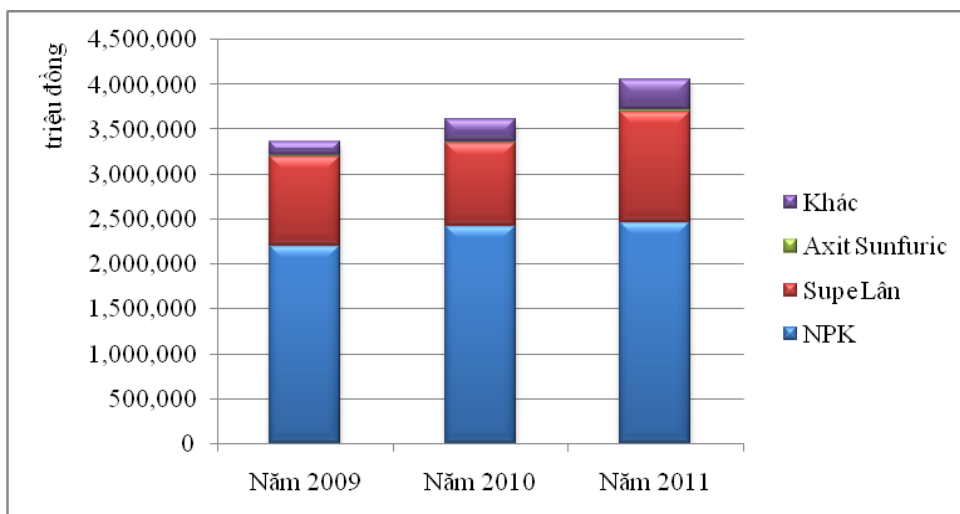
**Bảng 4. Cơ cấu Doanh thu thuần theo sản phẩm**

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Sản phẩm	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	%DTT
1	NPK	2.210.530,52	65,69	2.429.175,79	67,32	2.467.169,09	60,83
2	Supe Lân	983.799,53	29,23	916.978,16	25,41	1.229.920,59	30,32
3	Axit Sunfuric	20.641,19	0,61	15.161,47	0,42	30.770,75	0,76
4	Khác	150.295,47	4,47	247.187,58	6,85	328.301,65	8,09
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.365.266,71</b>	<b>100,00</b>	<b>3.608.503,00</b>	<b>100,00</b>	<b>4.056.162,08</b>	<b>100,00</b>

*(Nguồn: Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)*

**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY**



Tranh thủ thời cơ vụ đông xuân đầu năm 2009, Công ty nhanh chóng tiêu thụ hết lượng tồn kho phân bón năm 2008 chuyển sang với số lượng lớn và giá thành cao. Mặc dù vậy, do ảnh hưởng suy thoái kinh tế thế giới, hàng nông sản rớt giá, khả năng đầu tư của nông dân giảm sút, công tác tiêu thụ sản phẩm vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, do cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, thời tiết không thuận lợi, bão lũ ở miền Trung, khô hạn ở miền Bắc làm thu hẹp diện tích gieo trồng và cây vụ đông, mức tiêu thụ của Công ty bị chững lại. Kết thúc năm tài khóa 2009, doanh thu thuần của Công ty đạt 3.365 tỷ.

Đầu năm 2010, tình hình nắng nóng kéo dài từ tháng 3 làm thu hẹp diện tích gieo trồng, gạo xuất khẩu chậm, hàng nông sản rớt giá làm khả năng đầu tư của nông dân giảm sút, mức tiêu thụ chậm. Nhận thức được tình hình, Công ty đã đặc biệt chú trọng công tác phát triển thị trường, đẩy mạnh xuất hàng phục vụ vụ Xuân. Doanh thu năm 2010 tăng 7,23% so với năm 2009.

Năm 2011, Doanh thu thuần Công ty đạt 4.056 tỷ bằng 112 % so với năm 2010.

Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, sản phẩm NPK các loại chiếm tỷ trọng doanh thu lớn trên 60% doanh thu thuần. Tiếp đến là sản phẩm Supe lân chiếm từ 25%-30% cơ cấu doanh thu. Sản phẩm axit sunfuric, mặc dù trong doanh thu thuần chiếm tỷ lệ thấp, xấp xỉ 1% trong cơ cấu doanh thu thuần nhưng đây vẫn là một trong các sản phẩm chính và quan trọng của Công ty do Axit Sunfuric là nguyên liệu đầu vào để sản xuất ra Supe lân.

**Bảng 5. Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo sản phẩm**

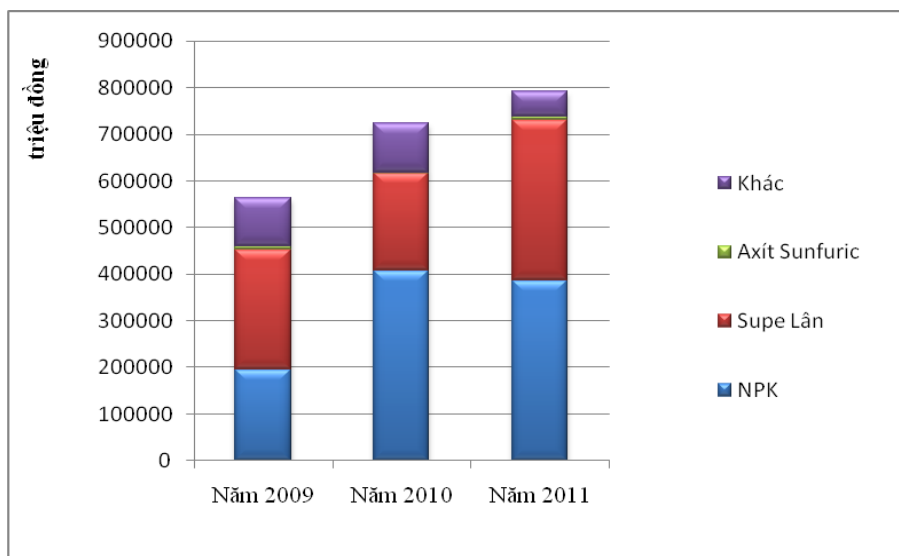
*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Sản phẩm	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị	%LNG	Giá trị	%LNG	Giá trị	%LNG
1	NPK	194.507,84	34,52	406.791,85	56,18	386.801,36	48,76
2	Supe Lân	257.411,78	45,69	211.441,16	29,20	343.610,51	43,31

3	Axit Sunfuric	6.669,89	1,18	57,15	0,01	7.552,41	0,95
4	Khác	104.813,35	18,60	105.768,26	14,61	55.361,67	6,98
	<b>Tổng cộng</b>	<b>563.402,86</b>	<b>100,00</b>	<b>724.058,41</b>	<b>100,00</b>	<b>793.325,95</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

### BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP THEO SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY



Bước vào năm 2009, lượng hàng tồn kho lớn với chi phí cao chuyển sang từ năm 2008 là áp lực lớn với kế hoạch hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Tranh thủ điều kiện thuận lợi do chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính phủ đem lại, Công ty đã tìm nguồn vốn vay mua nguyên liệu giá rẻ để hạ giá bán, phù hợp tình hình giá thị trường đang có xu hướng giảm. Kết thúc năm 2009, lợi nhuận gộp của Công ty đạt 563 tỷ, tăng trưởng 38% so với năm 2008.

Năm 2010, giá xăng dầu biến động phức tạp, giá lưu huỳnh tăng 2,53 lần, giá điện tăng bình quân 7%, sự ưu đãi về chính sách hỗ trợ lãi suất không còn đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng có được những kết quả rất khả quan: lợi nhuận gộp năm 2010 tăng 160 tỷ đồng, tăng trưởng 28,52% so với năm 2009.

Năm 2011, Công ty đã đạt được 793 tỷ lợi nhuận gộp, bằng 110% so với năm 2010.

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp, nhóm sản phẩm NPK đóng góp với tỷ trọng lớn. Do nhu cầu về NPK trong các năm gần đây thay đổi, hiện nay lợi nhuận gộp từ sản phẩm này chiếm tỷ trọng cao (năm 2010 chiếm 56,18% lợi nhuận gộp, năm 2011 chiếm 48,76% lợi nhuận gộp). Trong khi đó, lợi nhuận gộp từ supe lân có xu hướng biến động qua các năm. Nguyên nhân là do giá lưu huỳnh - nguyên liệu chiếm 67% trong giá thành sản xuất axit sunfuric, đầu vào để sản xuất supe lân – biến động thất thường. So với đầu năm 2009, giá lưu huỳnh năm 2010 tăng 2,53 lần; năm 2011, giá lưu huỳnh tăng 80% so với năm 2010 đã làm giảm đáng kể lợi nhuận gộp của supe lân cũng như sản phẩm Axit.

## 6.2 Nguyên vật liệu

### 6.2.1 Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh của CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, chiếm tỷ trọng khoảng 80% trong giá thành sản phẩm. Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất của Lâm Thao bao gồm: Apatit, đạm Amoni Sunfat, Kali Clorua, urê, dầu FO, than, lưu huỳnh.... Trong đó Apatit, urê, dầu FO, than là những nguyên liệu trong nước sẵn có không phải nhập khẩu. Riêng giá mua apatit được quy định bởi Công ty TNHH một thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. 70%-80% đạm Amoni Sunfat và Kali Clorua được mua từ các doanh nghiệp trong nước, 20%-30% còn lại nhập khẩu từ nước ngoài. Riêng với lưu huỳnh, Công ty nhập khẩu toàn bộ. Vì vậy giá nguyên liệu này chịu tác động tỷ giá cũng như biến động giá trên thị trường thế giới. Lưu huỳnh là nguyên liệu quan trọng trong quá trình sản xuất axit sunfuric, giá nguyên liệu này thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành axit sunfuric. Do đó, Công ty luôn đảm bảo thực hiện tốt các khâu lập kế hoạch mua sắm nguyên liệu, đảm bảo đủ nguyên liệu cho dự trữ và sản xuất.

**Bảng 6. Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty**

Stt	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp chính	Nước sản xuất
1	Lưu huỳnh	Swiss Singapore	Trung Đông, Canada
2	Apatit	Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam	Việt Nam
3	Than	Các Công ty than Việt Nam	Việt Nam
4	Dầu FO	Các công ty là tổng đại lý của Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam	
5	Đạm Amoni Sunfat	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh; Agrofertrans- Anh	Nga, Trung Quốc
6	Kali Clorua	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh, Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp I Hải Phòng; NewQuest – Singapore	Belarus, Canada, Israel
7	Urê	Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Việt Nam

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

### 6.2.2 Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Các nguyên liệu chính nói trên dồi dào về số lượng và nhiều nhà cung ứng có khả năng cung ứng với số lượng lớn (ngoài Apatit), chất lượng đáp ứng được nhu cầu sản xuất nhưng giá cả biến động do nhiều nguyên nhân: (1) do chính sách nhà nước như: Than, dầu FO; (2) do yếu tố mùa vụ nông nghiệp như: Đạm Amon Sunfat, Kali Clorua, Urê; (3) do nguồn tài nguyên dần cạn kiệt và khó khăn trong vận chuyển như: Apatit<sup>13</sup>; (4) do ảnh hưởng của giá dầu thế giới như Lưu huỳnh.

<sup>13</sup> Tỷ trọng của Apatit trong giá thành Supe Lâm là 33,88%

Vì vậy, đối với những nguyên liệu chính (ngoài Than, dầu FO, đạm Urê), Công ty luôn dự trữ để đáp ứng đủ cho ổn định sản xuất tối thiểu 01 tháng. Trong điều kiện giá nguyên liệu ở mức thấp và khả năng tài chính cho phép thì mua dự trữ với khối lượng lớn để phục vụ sản xuất và kinh doanh. Mặt khác, Công ty tăng cường hình thức đối lưu hàng hóa để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

### **6.2.3 Ảnh hưởng của biến động giá nguyên, nhiên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong những năm qua**

Giá trị nguyên nhiên vật liệu chiếm tới 80% giá thành sản phẩm vì vậy biến động giá cả nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Đối với các loại nguyên liệu không chủ động được trong nước, Công ty đã tích cực tìm các nguồn nguyên liệu giá rẻ để mua gom dự trữ cho sản xuất. Áp dụng các biện pháp để chủ động trong khâu vận chuyển và kho chứa đối với nguồn nguyên liệu là tài nguyên để chủ động trong sản xuất. Do đó, Công ty đã đạt được mức lợi nhuận theo chỉ tiêu đã đề ra cho năm 2009 trong khi giá bán sản phẩm đầu ra ổn định.

Năm 2010, suy thoái kinh tế toàn cầu còn diễn biến phức tạp, giá xăng dầu đứng ở mức cao, giá nguyên liệu đầu vào, cước phí vận chuyển biến động theo xu hướng tăng. Bên cạnh đó, lạm phát, tỷ giá diễn biến khó lường đã làm chi phí nguyên vật liệu tăng đáng kể. So với cuối năm 2009, giá lưu huỳnh đã tăng gấp hơn 2,53 lần. Nhằm đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch đề ra, Công ty đã thực hiện tốt các khâu lập kế hoạch mua sắm vật tư, trực tiếp mua nguyên liệu, thiết lập uy tín với bạn hàng, luôn đảm bảo đủ nguyên liệu cho sản xuất và dự trữ.

### **6.3 Chi phí sản xuất**

**Bảng 7. Cơ cấu chi phí theo khoản mục**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT
1	Giá vốn hàng bán	2.801.863,85	82,67	2.884.444,59	79,46	3.262.836,13	79,81
2	Chi phí bán hàng	237.458,38	7,01	178.234,17	4,91	219.904,90	5,38
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	101.186,57	2,99	82.654,59	2,28	110.016,29	2,69
4	Chi phí tài chính	149.125,38	4,40	99.529,40	2,74	98.811,22	2,42
5	Chi phí khác	3.575,88	0,11	1.621,11	0,04	3.040,34	0,07
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>3.293.210,05</b>	<b>97,17</b>	<b>3.246.483,86</b>	<b>89,43</b>	<b>3.694.608,88</b>	<b>90,38</b>



	<b>Tổng Doanh thu<sup>14</sup></b>	<b>3.389.072,96</b>		<b>3.630.113,82</b>		<b>4.088.008,98</b>	
--	------------------------------------	---------------------	--	---------------------	--	---------------------	--

(Nguồn: BCTC KT năm 2009 CT Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, BCTC KT năm 2010, BC quyết toán năm 2011 CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Trong cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ lệ cao do giá thành nguyên liệu đầu vào cao. Cơ cấu của khoản mục này luôn duy trì ở mức xấp xỉ 80% so với tổng doanh thu. Nhận thức được điều này, Công ty hiện tăng cường công tác quản lý tài chính, vật tư, tính toán mức dự trữ hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa nguyên liệu sẵn có trong nước, tổ chức nhập khẩu trực tiếp từ các nhà sản xuất để giảm chi phí nguyên vật liệu. Ngoài ra, Công ty cũng tích cực cải tiến kỹ thuật, nâng cao công nghệ để tránh hao phí nguyên liệu trong quá trình sản xuất.

Tỷ trọng chi phí bán hàng/Tổng doanh thu ở mức ổn định trong khoảng 5% - 7%. Khách hàng mục tiêu của Công ty là bà con nông dân có thu nhập thấp, ở phân tán khắp các vùng trong cả nước nên việc cung ứng và lưu thông hàng hoá tốn nhiều chi phí. Hiện Công ty tận dụng khai thác triệt để thị trường miền Bắc, tích cực tìm nguồn xuất khẩu. Đồng thời, Công ty đã xây dựng cơ chế gửi kho, phương án phân vùng hợp lý nhằm quản lý chặt chẽ hệ thống đại lý tiêu thụ và công tác vận tải sản phẩm qua đó tiết kiệm chi phí bán hàng. Công ty hiện cũng đang xem xét cơ cấu lại lượng hàng tiêu thụ đưa vào miền Nam tính toán sản lượng hợp lý, mở rộng thị phần và đảm bảo có lãi. Chi phí bán hàng năm 2011 tăng 23,38% so với năm 2010 (từ 178,23 tỷ lên 219,9 tỷ) do: (1) Năm 2011 Công ty đẩy mạnh bán hàng khu vực miền Nam do vậy chi phí cước vận chuyển tính bình quân tăng lên: chi phí cước năm 2010 là 206.058đ/tấn, năm 2011 là 273.256 đồng/tấn (2) Số lượng hàng gửi kho ngoài công ty tăng: năm 2010 là 566.636 tấn, năm 2011 là 653.463 tấn tăng lên 86.827 tấn do đó chi phí vận chuyển, gửi kho (50.000đ/tấn) tăng khoảng 28,6 tỷ (3) Trong năm công ty đẩy mạnh công tác mở rộng thị phần, doanh thu thuần của Công ty tăng hơn 12,4% , do đó chi phí đầu tư mở rộng thị trường, bảo lãnh thanh toán... tăng 10 tỷ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh từ 82,6 tỷ năm 2010 lên 110 tỷ năm 2011 một phần do quỹ lương tăng, một phần do Công ty tiến hành sửa chữa hệ thống đường sắt nội bộ trong Công ty.

Tỷ trọng chi phí tài chính/Tổng doanh thu, trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay, giảm dần qua các năm. Năm 2009, Công ty được hỗ trợ lãi suất nên mặc dù nguồn vốn vay lớn, chi phí lãi vay cũng không cao đột biến. Trong năm 2010 và 2011, Công ty từng bước cơ cấu lại các khoản vay một cách hợp lý nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

#### 6.4 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm luôn được Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao chú trọng và khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia thực hiện. Trong những năm qua, phong trào phát huy sáng kiến cải tiến sản phẩm được đẩy mạnh. Nhờ đó, công ty có được những sản phẩm mới với chất lượng tốt hơn phục vụ người tiêu dùng.

<sup>14</sup> Tổng Doanh thu (TDT) = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác.

***Các sản phẩm mới đã nghiên cứu sản xuất thử trong phòng thí nghiệm:***

- Nghiên cứu sản xuất  $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$ ;
- Nghiên cứu sản xuất  $\text{FeSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$ ;
- Nghiên cứu sản xuất  $\text{Na}_2\text{SO}_4 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$ ;
- Nghiên cứu sản xuất phèn kép  $\text{K}_2\text{SO}_4 \cdot \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 \cdot 24\text{H}_2\text{O}$ ;
- Nghiên cứu sản xuất các loại NPK hàm lượng dinh dưỡng cao  $\geq 40\%$ ;
- Nghiên cứu sản xuất  $\text{CO}_2$ ;
- Nghiên cứu sản xuất phốt phát can xi kết tủa có hàm lượng  $\text{P}_2\text{O}_5$  hữu hiệu cao dùng làm phân bón hoặc thức ăn chăn nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất Cryolit  $\text{Na}_3\text{AlF}_6$  dùng làm điện phân  $\text{Al}_2\text{O}_3$  trong sản xuất nhôm;
- Nghiên cứu sản xuất Supe phốt phát giàu hàm lượng  $\text{P}_2\text{O}_5$  hữu hiệu 28% - 30% dùng làm phân bón NPK hàm lượng cao;

## **6.5 Trình độ công nghệ**

### **6.5.1 Thực trạng dây chuyền công nghệ**

Hiện nay Công ty có 10 dây chuyền sản xuất chính gồm: 3 dây chuyền sản xuất axit sunphuric, 2 dây chuyền sản xuất supe lân, 4 dây chuyền sản xuất NPK và 1 dây chuyền sản xuất lân nung chảy.

- **Ba dây chuyền sản xuất axit sunfuric** theo công nghệ sản xuất mới hấp thụ kép 2 lần sử dụng hoàn toàn bằng nguyên liệu lưu huỳnh nguyên tố. Dây chuyền số 1 và số 2 được Công ty chuyển đổi thành công từ sử dụng nguyên liệu pirit sang nguyên liệu lưu huỳnh, chấm dứt hoàn toàn chất thải rắn là xỉ pirit từ năm 2003. Dây chuyền axit sunfuric số 3 được đầu tư xây dựng mới với công nghệ tiên tiến - tiếp xúc kép, hấp thụ 2 lần; trang bị hệ thống tự động hóa điều khiển quá trình công nghệ DCS để các dây chuyền sản xuất hoạt động ổn định. Các dây chuyền axit đều có hiệu suất sử dụng trung bình (*tính theo công suất sử dụng trung bình trong một năm*) là 90% - 100%, đều là dây chuyền sản xuất đồng bộ, tự động hóa, đều có đủ hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng và xử lý khí thải đảm bảo chất thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn của tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

Stt	Dây chuyền	Năm sản xuất thiết bị chính	Nước sản xuất thiết bị chính
1	Dây chuyền axit số 1	1997, đang được nâng cấp	Việt Nam, Ba Lan, Liên Xô cũ
2	Dây chuyền axit số 2	1984, 2003, 2006	Việt Nam, Liên Xô cũ
3	Dây chuyền axit số 3	2001	Việt Nam

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

- **Hai dây chuyền sản xuất Supe lân** với công nghệ sản xuất theo phương pháp hóa học sử dụng

axit sunfuric phân hủy quặng apatit. Các dây chuyền supe lân đã được chuyển đổi thiết bị lọc bụi kiểu tay áo sang thu hồi bụi kiểu sử dụng, làm tăng hiệu suất thu hồi, vừa giảm bụi thoát ra môi trường vừa tiết kiệm được bột apatit. Hai dây chuyền trên đều là dây chuyền sản xuất đồng bộ với hiệu suất sử dụng trung bình 85% - 100%.

Stt	Dây chuyền	Năm sản xuất thiết bị chính	Nước sản xuất thiết bị chính
1	Dây chuyền Supe số 1	1962	Liên Xô cũ
2	Dây chuyền Supe số 2	1984	Liên Xô cũ

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Hai dây chuyền Supe nói trên đều đủ hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng và xử lý khí thải đảm bảo chất thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn của tiêu chuẩn môi trường Việt Nam:

Chất thải rắn: TCVN 6706:2000;

Chất thải lỏng: TCVN 5945:2005;

Khí thải: TCVN 5939: 2005.

- **Bốn dây chuyền sản xuất phân hỗn hợp NPK** với công nghệ tương đối hiện đại có thiết bị định lượng nguyên liệu tự động, đóng bao sản phẩm tự động, sấy khô sản phẩm. Với các dây chuyền này, nguồn ô nhiễm bụi, khí, tiếng ồn, nước thải được xử lý triệt để, đảm bảo an toàn vệ sinh công nghiệp và môi trường sinh thái. Các dây chuyền trên đều là dây chuyền sản xuất đồng bộ với hiệu suất sử dụng trung bình của toàn bộ dây chuyền tính theo công suất sử dụng trong 1 năm từ 85%-100%. Riêng dây chuyền NPK Hải Dương có hiệu suất sử dụng từ 80%-100%.

Stt	Dây chuyền	Năm sản xuất thiết bị chính	Nước sản xuất thiết bị chính
1	Dây chuyền NPK số 1	2000	Việt Nam
2	Dây chuyền NPK số 2	2002	Việt Nam
3	Dây chuyền NPK số 3	2004	Việt Nam
4	Dây chuyền NPK Hải Dương	2003	Việt Nam

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Bốn dây chuyền NPK trên đều có đủ hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng và xử lý khí thải đảm bảo chất thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn của tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

- Ngoài ra, Công ty đang hoàn thiện và đưa vào sử dụng **dây chuyền sản xuất phân lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm với giá trị khoảng 208.339 triệu đồng**. Dây chuyền Supe lân nung chảy được khởi công vào ngày 24/07/2008. Các thiết bị chính của dây chuyền được sản xuất tại Việt Nam vào năm 2009, 2010; một phần của dây chuyền (khoảng 20 tỷ) là nhập khẩu. Quý II năm 2010, ba cụm lò cao bắt đầu chạy thử nghiệm lần đầu. Tháng 09 năm 2011, cụm lò

cao số 1 đã chạy thử lần 2 đã cho kết quả tốt, hệ thống làm việc ổn định, đạt tiêu chuẩn về sản phẩm và khí thải (*tiêu chuẩn chất thải QCVN 21:2009/BTNMT*). Trong tháng 10/2011, Công ty đã đưa vào hoạt động, vận hành dây chuyền lò cao số 1, phần đầu đạt 80% công suất thiết kế trong năm đầu và 100% trong các năm tiếp theo; đồng thời tiếp tục hoàn thiện lò cao số 2 và số 3 để đưa vào sản xuất.

#### 6.5.2 Kế hoạch đầu tư cho sản phẩm dây chuyền mới:

- Đầu tư xây dựng xưởng sản xuất axit sunfuric công suất 400.000 tấn/năm với công nghệ tiên tiến để thay thế cho 3 dây chuyền hiện tại;
- Đầu tư dây chuyền sản xuất phân bón NPK hàm lượng cao công suất 150.000 tấn/năm.

#### 6.5.3 Quy trình công nghệ

##### a. Sản xuất NPK



(Nguồn: Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

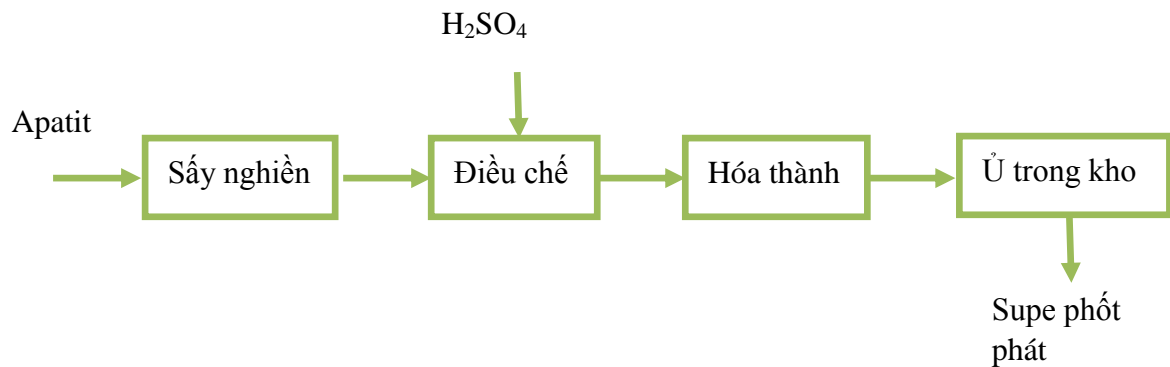
Các loại nguyên liệu: SA, ure, supe lân, KCl, phụ gia... được tập kết vào các bunke chứa và được cân định lượng tự động qua hệ thống điều khiển bằng máy vi tính. Sau đó nguyên liệu cấp xuống băng tải tổng hợp rồi được đưa vào thùng trộn để trộn đều các nguyên liệu với nhau, sau đó được đưa vào vên viên tạo hạt bằng máy vên viên dạng đĩa. Tại đĩa vên viên có bổ sung thêm nước dưới dạng phun tia tạo ẩm cho nguyên liệu. Ra khỏi đĩa vên viên bán thành phẩm NPK được băng tải vận chuyển đưa vào máy sấy thùng quay để sấy khô sản phẩm bằng nhiệt khí của lò đốt dầu FO.

Sản phẩm NPK ra khỏi thùng sấy có độ ẩm nhỏ hơn hoặc bằng 5% được gầu nâng vận chuyển đưa lên hệ thống sang rung 2 lưới để sàng phân loại sản phẩm. Phần sản phẩm NPK có kích thước hạt từ 2-5,5mm được đưa vào máy làm nguội thùng quay để làm nguội sản phẩm bằng không khí, sau khi làm nguội được băng tải vận chuyển đưa vào bunke chứa và được cân đóng bao tự động. Sản phẩm NPK sau đóng bao được đưa vào kho sản phẩm xếp lưu hoặc xuất bán. Phần sản phẩm NPK trên sàng 5.5x5.5mm được đưa vào nghiền nhỏ qua máy nghiền rồi cùng với phần sản phẩm dưới sàng 2x2mm được hồi lưu trở lại đĩa vên viên để tạo hạt lại.

##### b. Sản xuất Supe Lân Lâm Thao

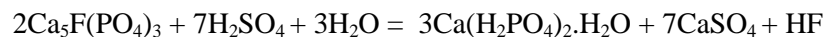
##### c.

Sơ đồ công nghệ sản xuất Supe Phốt phát



(Nguồn: Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

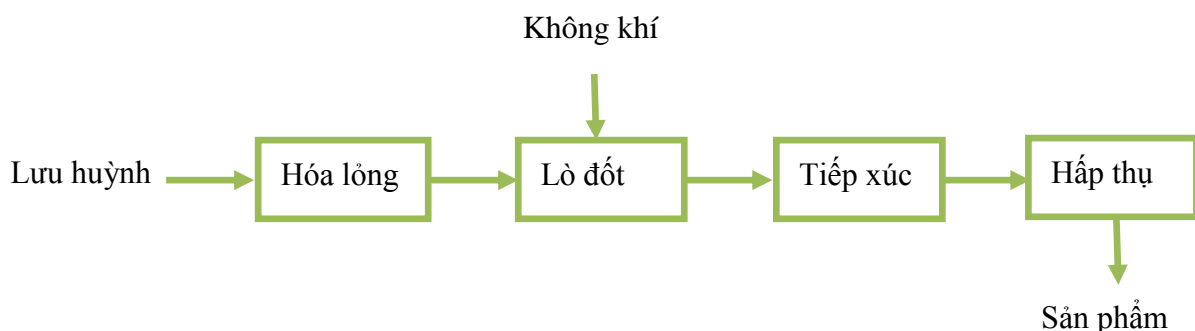
Quặng Apatit được đưa vào sấy khô trong máy sấy thùng quay, được sấy bằng khí nóng cấp từ lò đốt than. Sau đó, quặng apatit được nghiền sơ bộ qua máy nghiền máy rồi tiếp tục được nghiền mịn bằng máy nghiền bi và trộn cùng với quặng apatit tuyển ẩm để đưa sang bộ phận điều chế supe. Tại bộ phận điều chế, quặng apatit nghiền được đưa vào thùng trộn để trộn đều axit với apatit nhờ các que khuấy có tốc độ cao để thực hiện phản ứng hóa học phân hủy quặng apatit bằng axit sunfuric. Sau đó, bột sệt từ thùng trộn tiếp tục được đưa vào phòng hóa thành để tiếp tục thực hiện phản ứng phân hủy quặng apatit bằng axit sunfuric thành supe phốt phát theo phương trình phản ứng tổng quát sau:



Trước khi ra khỏi phòng hóa thành supe tươi được cắt nhỏ rồi đưa xuống băng tải supe tươi, rồi đưa qua bộ phận đánh tung để làm tơi. Sau đó, supe tươi tiếp tục được ủ, trung hòa bằng apatit, đảo trộn bằng cầu trục trong kho ủ để phản ứng tiếp tục diễn ra trong thời gian từ 18 – 21 ngày. Sản phẩm supe lân ở cuối kho đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sẽ được đưa sang bộ phận sang, nghiền Supe đến kích thước theo yêu cầu rồi được đưa vào hệ thống đóng bao tự động để đóng bao sản phẩm và xuất cho khách hàng.

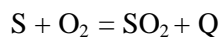
d. Sản xuất axit sunfuric theo phương pháp tiếp xúc kép hấp thụ hai lần

Sơ đồ công nghệ sản xuất Axit Sunfuric

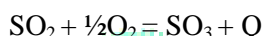


(Nguồn: Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Lưu huỳnh nguyên tố dưới dạng hạt được đưa vào bộ phận hóa lỏng để hóa lỏng lưu huỳnh bằng hơi nước sau đó lưu huỳnh lỏng được bơm về thùng chứa lưu huỳnh trung gian đầu lò đốt rồi bơm cấp qua vòi phun vào lò đốt lưu huỳnh. Trong lò đốt lưu huỳnh cháy cùng ôxi tạo thành khí  $\text{SO}_2$  theo phản ứng:



Hỗn hợp khí có nhiệt độ khoảng  $1000^\circ\text{C}$  khi đi qua nồi hơi để hạ nhiệt xuống  $400^\circ\text{C} - 430^\circ\text{C}$ , qua thiết bị lọc gió nóng rồi được đưa vào các lớp xúc tác 1, 2, 3 để thực hiện phản ứng chuyển hóa  $\text{SO}_2$  thành  $\text{SO}_3$  nhờ chất xúc tác  $\text{V}_2\text{O}_5$  theo phương trình phản ứng:



Ra khỏi lớp 3 khí  $\text{SO}_2$  đạt mức chuyển hóa 94,5% – 96,5% được đưa vào tháp hấp thụ trung gian để hấp thụ lượng  $\text{SO}_3$  đã tạo thành của 3 lớp chuyển hóa rồi đi vào lớp 4 của máy tiếp xúc để tiếp tục thực hiện phản ứng chuyển hóa  $\text{SO}_2$  thành  $\text{SO}_3$ . Ra khỏi tháp tiếp xúc hỗn hợp khí  $\text{SO}_3$  được đưa vào tháp hấp thụ cuối để hấp thụ  $\text{SO}_3$  thành  $\text{H}_2\text{SO}_4$  theo phương trình phản ứng:



Sản phẩm axit sunfuric sau tháp hấp thụ được đưa vào các thùng chứa sản phẩm, gồm 5 loại: axit kỹ thuật, axit ắc quy, axit tinh khiết loại P, axit tinh khiết loại Pa đều có nồng độ lớn hơn hoặc bằng 92,5%, còn sản phẩm nồng độ 76% - 85% đưa sang sản xuất supe lân được chế biến qua bộ phận trộn để hạ nồng độ axit.

## 6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Chất lượng sản phẩm của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Ngoài ra, Công ty có phòng Thí nghiệm trung tâm đã có chứng chỉ của Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận là phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025:2001 mang số hiệu kiểm tra chất lượng hợp chuẩn Vilas 134.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty bao gồm phòng kiểm tra chất lượng (KCS) trực thuộc Tổng Giám đốc và tổ chức KCS của các xí nghiệp thành viên. Phòng KCS của Công ty và bộ phận KCS của xí nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ, thông tin hai chiều trao đổi hàng ngày để cùng kết hợp xử lý các vấn đề liên quan tới chất lượng sản phẩm, giảm thiểu sản phẩm cần xử lý và sản phẩm phế thải. Phòng KCS của Công ty chịu trách nhiệm về:

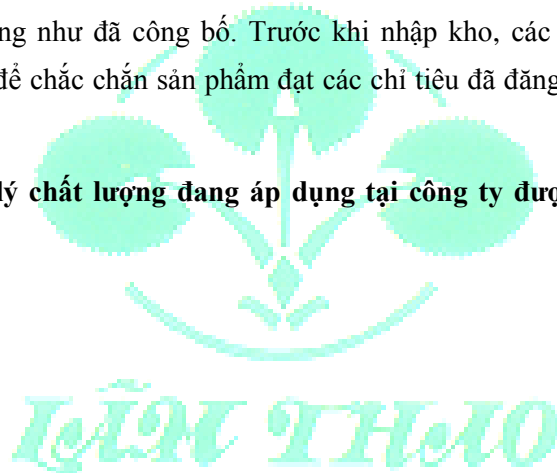
- Chất lượng các nguyên liệu, nhiên liệu dùng để sản xuất các sản phẩm của Công ty theo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Chất lượng các sản phẩm của Công ty bán ra theo đúng công bố của Công ty;
- Báo cáo các thông tin liên quan tới lãnh đạo Công ty và phòng kỹ thuật.

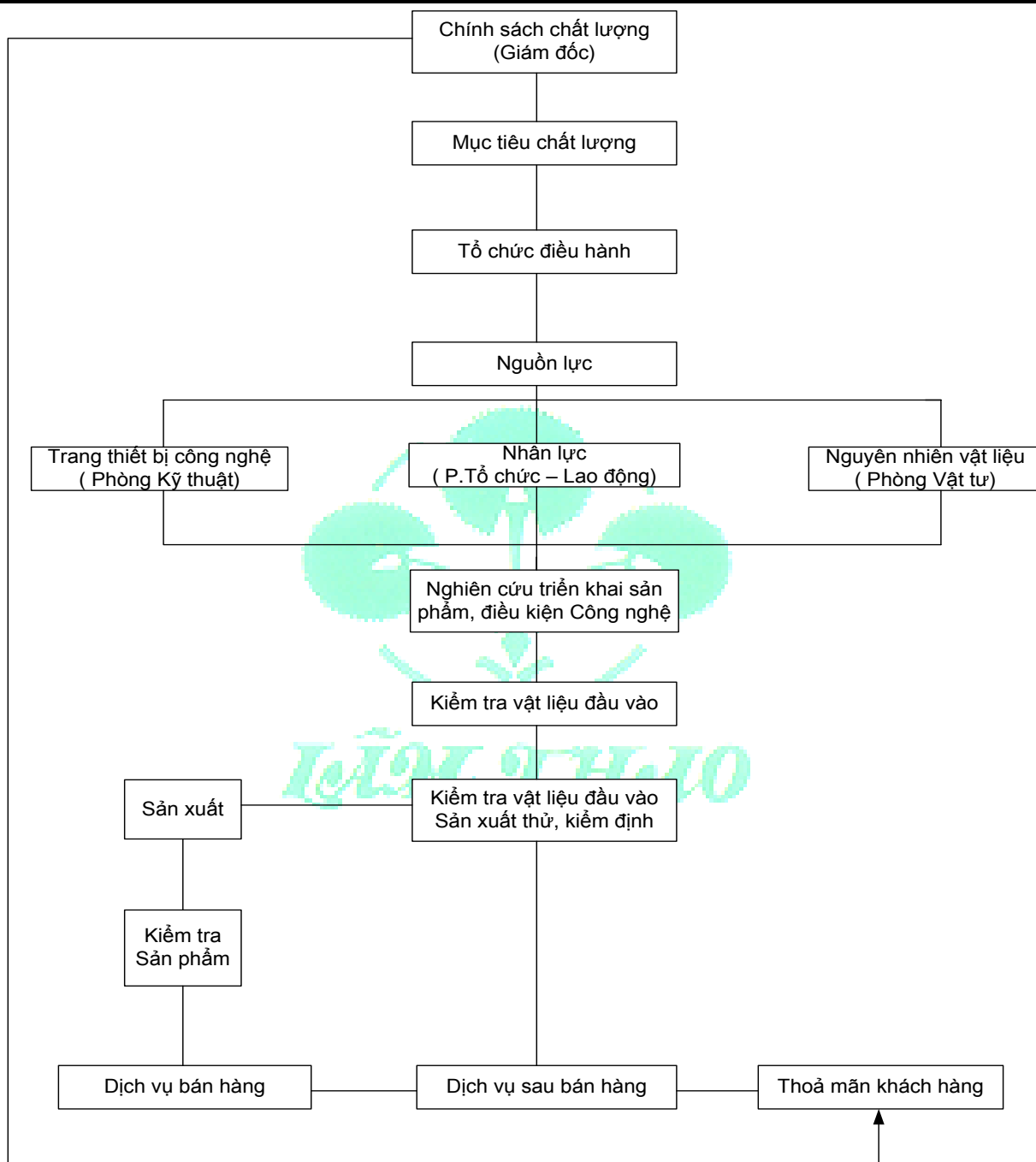
Trên các sơ đồ kiểm soát chất lượng, phần kiểm soát bên ngoài dây chuyền do phòng KCS của Công ty thực hiện; phần kiểm soát nằm trong dây chuyền do bộ phận thí nghiệm KCS của xưởng thực hiện. Việc kiểm soát do đó được thực hiện theo 2 cấp: cấp Công ty và cấp xưởng sản xuất.



Các yêu cầu cơ bản trong quá trình kiểm tra chất lượng bao gồm:

- **Kiểm tra nguyên vật liệu:** Phòng KCS được giao trách nhiệm kiểm nghiệm các nguyên liệu đầu vào theo chỉ tiêu chất lượng trong hợp đồng sau đó làm phiếu kiểm nghiệm cho khách hàng ở cuối đợt nhập. Việc kiểm tra nguyên liệu được tiến hành theo đúng tiêu chuẩn ISO 9001:2000;
- **Kiểm tra chất lượng sản phẩm:** Chất lượng của mỗi sản phẩm, mỗi lô hàng đều được KCS Công ty và xí nghiệp kiểm tra từ khâu trung gian đến sản phẩm cuối. Nếu xảy ra sai hỏng, phòng Kỹ thuật công nghệ xác định nguyên nhân và làm các thủ tục khắc phục phòng ngừa theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 để sản phẩm cuối cùng bao giờ cũng phải đảm bảo chất lượng như đã công bố. Trước khi nhập kho, các sản phẩm đều trải qua kiểm nghiệm của KCS để chắc chắn sản phẩm đạt các chỉ tiêu đã đăng ký với cơ quan quản lý chất lượng.
- **Quy trình quản lý chất lượng đang áp dụng tại công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:**





### SƠ ĐỒ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

## **6.7 Hoạt động Marketing**

Để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong những năm gần đây Công ty chú trọng đẩy mạnh hoạt động marketing với mục tiêu phát triển thị trường, mở rộng quảng bá sản phẩm đến cấp cơ sở là các thôn, xã. Công ty phối hợp cùng các khách hàng, các cơ quan khuyến nông, tổ chức đoàn thể, ....tổ chức các hội nghị tuyên truyền tập huấn kỹ thuật sử dụng phân bón Lâm Thao cho bà con nông dân tại các địa phương; xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật bón phân Lâm Thao đồng bộ khép kín cho các loại cây trồng; tổ chức các hội nghị đánh giá sau đó để thu thập ý kiến phản hồi trực tiếp từ người tiêu dùng. Cụ thể như sau:

- Tiến hành quảng cáo sản phẩm phân bón Lâm Thao trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Đài phát thanh và truyền hình địa phương – những kênh thông tin gần gũi với đối tượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty là người nông dân;
- Phối hợp với các Viện, trường Đại học về khoa học nông nghiệp nghiên cứu xây dựng công thức bón phân Lâm Thao cho các loại cây trồng ở từng vùng đất, từng địa phương; tuyên truyền cho người nông dân; làm tốt công tác hậu mãi;
- Tham gia hội chợ triển lãm tại các địa phương nhằm quảng bá hình ảnh công ty rộng rãi tới người tiêu dùng;
- Xây dựng hệ thống phân phối rộng khắp tại các địa phương. Hiện tại, hệ thống phân phối của Công ty gồm 100 đại lý và nhiều kênh bán hàng khác tại hầu hết các tỉnh thành trên cả nước;
- Tăng cường mở rộng thị trường tại các tỉnh miền núi Bắc Bộ; nghiên cứu xây dựng cơ chế giá hợp lý để nâng cao khả năng cạnh tranh đồng thời vận dụng cơ chế chiết khấu mềm dẻo nhằm khuyến khích các nhà phân phối tăng cường nhận hàng và đẩy mạnh tiêu thụ;
- Phối hợp cùng Hội nông dân Việt Nam triển khai thực hiện phương thức mua bán phân bón trả chậm (6-8 tháng) không tính lãi suất giúp nông dân phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo.

## **6.8 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Qua 50 năm hình thành và phát triển, Công ty đã tạo dựng thành công một thương hiệu uy tín trên toàn quốc với nhãn hiệu phân bón “ba cành cò” đang được sử dụng cho các sản phẩm phân bón của mình.

**Logo:**



Nhãn hiệu trên đã được Cục sở hữu công nghiệp thuộc Bộ khoa học công nghệ và môi trường cấp lại giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 6729 theo quyết định số 175/QĐ-ĐK, ngày 26/08/2002 gia hạn hiệu lực văn bản tới ngày 18/05/2012.

## 6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

**Bảng 8. Các hợp đồng bán sản phẩm lớn đã ký kết**

STT	Tên hợp đồng, khách hàng	Năm 2010			Năm 2011		
		Supe Lân (tấn)	NPK (tấn)	Giá trị (triệu đồng)	Supe Lân (tấn)	NPK (tấn)	Giá trị (triệu đồng)
1	CTCP Vật tư KTN - Bắc Giang	31.567	57.793	242.233	28.207	42.119	278.559
2	CT TNHH Hoa Hồng - Vĩnh Phúc	15.777	61.415	222.570	17.994	52.227	275.628
3	CTCP Phùng Hưng - Hà Nội	11.770	46.027	166.698	8.334	38.398	179.918
4	CTCP TM Khánh Linh - Phú Thọ	5.456	48.961	163.471	4.510	59.267	238.115
5	DNTN Hoành Sơn - Hà Tĩnh	26.412	33.974	157.802	18.895	11.520	87.839
6	CTCP Vật tư Nông nghiệp - Thái Nguyên	7.910	43.534	151.349	5.685	46.090	214.706
7	CT TNHH ánh Dương - Thanh Hóa	12.019	35.730	135.057	26.311	21.188	150.536
8	CT TNHH Anh Đức - Đắk Nông	34.062	1.404	71.176	9.886	412	28.580
9	CT TNHH Hải Hiền - Phú Thọ	1.613	30.573	98.559	1.041	20.968	85.858
10	CT TNHH TM Tuấn Tú - Hải Dương	24.270	23.016	119.410	16.724	12.332	94.860
11	CTCP XNK Vật tư - Hà Nội	20.510	11.536	76.216	21.217	8.115	99.447
12	CTCP TM Thiệu Yên - Thanh Hóa	8.032	27.032	100.098	12.050	18.294	105.004
13	CTCP Khang Nông - Bình Thuận	17.930	10.759	68.732	28.141	903	82.660
14	CTCP Dịch vụ Nông nghiệp - Bình Thuận	35.756	205	70.757	12.573	6.160	60.420
15	CT TNHH Thương mại Thủy Ngân - Yên Bái	2.281	28.761	94.215	1.295	30.650	120.646
	<b>Tổng cộng</b>	<b>255.365</b>	<b>665.515</b>	<b>1938.343</b>	<b>212.863</b>	<b>368.643</b>	<b>2.102.776</b>

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

## 7. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### 7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của LAFCHEMCO

**Bảng 9. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của LAFCHEMCO**

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011	
		Giá trị	% tăng giảm so với năm 2009	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2010
Tổng giá trị tài sản <sup>15</sup>	2.208.124.676.748	1.861.907.293.359	-15,68	2.223.352.910.677	19,41
Tài sản ngắn hạn	1.885.756.177.076	1.550.400.300.098	-17,78	1.963.895.346.466	26,67
Tài sản dài hạn	322.368.499.672	311.506.993.261	-3,37	259.457.564.211	-16,71
Doanh thu thuần	3.365.266.706.526	3.608.503.002.766	7,23	4.056.162.086.957	12,41
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	92.064.266.331	375.000.786.199	307,33	382.077.661.048	1,89
Lợi nhuận khác <sup>16</sup>	3.798.640.174	8.629.168.126	127,16	11.322.435.712	31,21
Lợi nhuận trước thuế	95.862.906.505	383.629.954.325	300,19	393.400.096.760	2,55
Lợi nhuận sau thuế	71.705.752.771	287.722.465.744	301,25	295.472.154.112	2,69
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức <sup>17</sup>	-	60,11%	-	-	-

(Nguồn: BCTC KT năm 2009 CT Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, BCTC KT năm 2010, BC quyết toán năm 2011 CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm qua phụ thuộc rất nhiều vào tình hình phát triển ngành nông nghiệp, diễn biến thời tiết đồng thời cũng chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, với kinh nghiệm gần 50 năm hoạt động, Công ty vẫn đáp ứng được các mục tiêu đề ra và đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn có hiệu quả.

Dù gặp nhiều khó khăn cung cầu, giá thành sản xuất, chi phí vốn vay..., doanh thu và lợi nhuận

<sup>15</sup> Tổng tài sản năm 2010 thấp hơn so với năm 2009 chủ yếu là do tài sản ngắn hạn giảm (lượng hàng tồn kho thấp hơn 427 tỷ so với cùng kỳ - một phần do năm 2009 lượng hàng tồn dư từ năm 2008 với số lượng lớn với giá vốn cao, một phần Công ty xây dựng phương án phân vùng hợp lý và hỗ trợ về cơ chế gửi kho đối với các đại lý)

<sup>16</sup> Lợi nhuận khác chủ yếu từ các khoản thu nhập từ bán phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất (thu từ các hoạt động khác như chi thuê nhà ăn, dịch vụ cần thuê, thu bán hồ sơ mở thầu). Lợi nhuận khác tăng mạnh năm 2011 do nâng cao công tác quản lý sản xuất tích cực tận dụng thu hồi lại nguyên vật liệu chính trong các công đoạn của quá trình sản xuất. Trong năm 2011 giá trị nguyên vật liệu được thu hồi lại trị giá: 6,1 tỷ

<sup>17</sup> Năm 2009 Công ty hoạt động dưới hình thức Doanh nghiệp Nhà nước nên không chi trả cổ tức. Năm 2010 Công ty thực hiện trả cổ tức 15% bằng tiền mặt và 25% bằng cổ phiếu theo NQ ĐHĐCĐ ngày 19/04/2011

của Công ty liên tục tăng trưởng qua các năm. Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2009 là 71 tỷ đồng. Năm 2010 là năm đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức CTCP, Công ty đã ban hành hàng loạt các quy chế quản trị để điều hành Công ty. Do Công ty tập trung quản lý tốt dẫn tới chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm. Bên cạnh đó, do cân đối nguồn vay, nợ vay giảm dẫn tới chi phí lãi vay giảm; Công ty thực hiện tốt quy trình mua và dự trữ nguyên vật liệu dẫn tới tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu giảm; doanh thu thuần tăng, nên tuy giá trị tài sản giảm nhưng lợi nhuận sau thuế năm 2010 tăng 3 lần so với năm 2009. Năm 2011, lợi nhuận sau thuế đạt 295,5 tỷ đồng, tăng trưởng 2,69% so với năm 2010. Đây thực sự là thắng lợi to lớn của Công ty khi mà tình hình kinh tế còn đang diễn ra phức tạp.

## 7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo

### *Thuận lợi*

- Là một trong những doanh nghiệp lâu năm của Tập đoàn Hóa chất, Công ty Supe Phốt phát và hóa chất Lâm Thao có bề dày kinh nghiệm gần 50 năm sản xuất kinh doanh các sản phẩm phân bón, hoá chất. Trong quá trình phát triển, Công ty đã tạo dựng được mạng lưới khách hàng và nhà cung cấp truyền thống, sản phẩm của công ty có chất lượng tốt, đảm bảo tiêu chuẩn, đáp ứng được yêu cầu sinh trường từng giai đoạn của cây trồng, phù hợp với nhiều chất đất và nhiều loại cây công nghiệp, nông nghiệp, do đó rất có uy tín, được bà con nông dân cả nước tin nhiệm tin dùng;
- Tập thể cán bộ công nhân viên có truyền thống đoàn kết cùng khắc phục mọi khó khăn, thử thách đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ cấp trên giao, tích cực học tập lao động và sáng tạo;
- Công ty thường xuyên nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành như Bộ Công Thương, tỉnh Phú Thọ, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam...

### *Khó khăn*

- **Về mặt công nghệ:** Công ty Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao tiền thân là nhà máy Supe phốt phát Lâm Thao được Liên Xô giúp đỡ xây dựng từ những năm 1950. Dù đã trải qua nhiều lần cải tạo nâng cấp tuy nhiên công nghệ thiết bị vẫn chưa được đầu tư đồng bộ, từ đó trực tiếp ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, trong tình hình cạnh tranh gay gắt hiện nay, trình độ công nghệ thấp khiến cho việc nghiên cứu sản phẩm mới gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;
- **Về vốn:** Công ty sản xuất khối lượng lớn sản phẩm phân bón (trên 1 triệu tấn/năm) nhằm cung ứng đủ sản phẩm cho bà con nông dân theo đúng hai vụ mùa nông nghiệp. Vì sản phẩm được cung ứng theo thời vụ nên Công ty thường xuyên phải dự trữ một lượng hàng tồn kho lớn cũng như phải vay vốn ngân hàng để đáp ứng nhu cầu sản xuất, từ đó chịu rủi ro khi có biến động về chi phí vốn;
- **Về năng lực giao hàng:** Sản phẩm của Công ty được cung cấp trên địa bàn cả nước, địa hình cung ứng phức tạp. Công ty cũng chưa xây dựng được hệ thống kho bãi rộng khắp nên công tác vận chuyển còn gặp khó khăn, đặc biệt trong điều kiện thời tiết nước ta thường xuyên có mưa bão, úng lụt ở các miền gây ảnh hưởng lớn đến công tác vận chuyển sản phẩm tới người



tiêu dùng;

- **Về thị trường tiêu thụ:** Hiện nay nhịp độ đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ đặc biệt ở miền Bắc là địa bàn tiêu thụ lượng lớn sản phẩm của Công ty. Điều này đồng nghĩa với việc thị trường tiêu thụ của Công ty có nguy cơ bị co hẹp mạnh. Bên cạnh đó, tập quán canh tác của người nông dân cũng đang có sự chuyển đổi, sử dụng nhiều hơn các loại phân bón hỗn hợp có hàm lượng dinh dưỡng cao, sử dụng các sản phẩm phân bón nước ngoài đang có mặt ngày càng nhiều trên thị trường nội địa. Ngoài ra các doanh nghiệp trong cùng ngành hàng cũng ráo riết thực hiện các chiến lược nhằm mở rộng thị phần khiến sức ép cạnh tranh đối với Công ty ngày càng gay gắt;
- **Về lao động:** Hiện tại đội ngũ lao động của Công ty khá đông, bộ máy quản lý cồng kềnh, trong khi chất lượng lao động không cao, phần nhiều đã lớn tuổi, sức khỏe kém, khả năng đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới thấp, không đảm bảo được mức độ chuyên môn hóa cao cũng như vấn đề nâng cao năng suất lao động;
- **Về đảm bảo vệ sinh môi trường:** Do những hạn chế về công nghệ, sản phẩm hóa chất của Công ty gây tác động lớn đến môi trường. Vì vậy, chi phí hàng năm Công ty phải bỏ ra để xử lý chất thải góp phần giữ gìn môi trường chung là lớn, từ đó ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh chung.

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1 Vị thế của LAFCHEMCO trong ngành

Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao là một trong những doanh nghiệp giàu truyền thống của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Với bề dày kinh nghiệm hoạt động trong ngành hóa chất Công ty đã tạo được uy tín với bạn hàng và khách hàng trên cả nước. Sản phẩm chính của Công ty là Supe lân và NPK với sản lượng trung bình hiện tại khoảng 750.000 tấn Supe lân/ năm và 700.000 tấn NPK/ năm. Sản phẩm được ưa chuộng đặc biệt ở các tỉnh miền Bắc (từ Hà Tĩnh trở ra) – đây là thị trường tiêu thụ chính của Công ty. Công ty chiếm 50%-60% thị phần trên địa bàn này. Các tỉnh từ Quảng Bình trở vào chủ yếu tiêu thụ Supe lân. Sản phẩm của Công ty chiếm 10-20% tổng lượng tiêu thụ ở các khu vực này. Ngoài ra, Công ty còn sản xuất các sản phẩm khác phục vụ cho các ngành công nghiệp, quốc phòng đồng thời hoàn thiện và cho đi vào hoạt động dây chuyền sản xuất lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm trong năm 2010. Theo định hướng chung của ngành, Công ty đã và đang không ngừng cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới để có chất lượng sản phẩm tốt hơn, qua đó nâng cao vị thế của mình trong ngành, hướng tới mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu thuộc lĩnh vực sản xuất phân bón và hóa chất tại Việt Nam.

### 8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Hiện nay, phân bón dùng cho sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam chủ yếu vẫn là nhập khẩu. Theo Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, tới năm 2015 ngành sẽ đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng phân bón trong nước đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm hướng tới xuất khẩu. Dự kiến tới năm

2015, sản lượng Supe lân của toàn ngành là 1 triệu tấn/năm, phân lân nung chảy 1 triệu tấn/năm và phân NPK khoảng 3 triệu tấn/năm. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc phát triển ngành sản xuất phân bón và hóa chất nội địa cả về chất lượng và số lượng nhằm tiến tới mục tiêu xuất khẩu. Vì vậy, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam định hướng đầu tư phát triển ngành sản xuất phân bón hóa chất theo chiều sâu, đổi mới công nghệ thiết bị ở những nhà máy sản xuất phân lân, phân NPK cũ, đồng thời đầu tư vốn xây dựng các nhà máy sản xuất NPK công nghệ tiên tiến, nhà máy sản xuất DAP<sup>18</sup>. Năm bắt được định hướng của này cũng như nhận thức rõ vị trí của ngành sản xuất phân bón hóa chất trong nền kinh tế quốc dân, Công ty đã chú trọng cải tiến các dây chuyền cũ, tích cực đổi mới thiết bị. Công ty cũng dự kiến đầu tư mở rộng các dự án dây chuyền sản xuất để chiếm lĩnh và khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường.

### 8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trải qua gần 50 năm tồn tại và phát triển, Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao luôn là lá cờ đầu trong lĩnh vực sản xuất phân bón và hóa chất. Với sản lượng hằng năm trên 750.000 tấn Supe lân, 700.000 tấn NPK, Công ty có một vị trí quan trọng trong ngành Công nghiệp phân bón và hóa chất Việt Nam. Hiện nay, các sản phẩm Supe lân của Công ty là loại Supe phốt phát đơn, thêm vào đó công nghệ sản xuất cũ khiến hàm lượng phốt pho trong thành phẩm là không cao, ảnh hưởng đến chất lượng của supe lân cũng như cả chất lượng của sản phẩm NPK. Nhận thức được nhu cầu nội địa ngày càng nâng cao, Công ty hiện đang có những kế hoạch cải tạo, mở rộng sản xuất. Trong năm 2011, Công ty đã cho đi vào hoạt động dây chuyền sản xuất lân nung chảy với công suất 300.000 tấn/năm nhằm đáp ứng nhu cầu lân nung chảy ở miền Bắc. Đồng thời, Công ty cũng đang thực hiện cải tạo đầu tư xây dựng xưởng sản xuất axit sunfuric công suất 400.000 tấn/năm với công nghệ tiên tiến để thay thế cho 3 dây chuyền hiện tại, đầu tư dây chuyền sản xuất phân bón NPK hàm lượng cao công suất 150.000 tấn/năm và tiến tới sản xuất supe phốt phát kép.

Việc đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời mở rộng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của bà con nông dân là hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển và kế hoạch ngành Công nghiệp phân bón. Đây sẽ là cơ hội để Công ty chiếm lĩnh thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1 Số lượng người lao động trong LAFCHEMCO và cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2011, Công ty có 2.839 cán bộ công nhân viên.

<sup>18</sup> Phân DAP, hay còn gọi là Diamino phosphate, là một loại phân tổng hợp trong đó hàm lượng Nitrogen (N) 18% và P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> chiếm 46%; Tức là trong 100 kg phân DAP có chứa 18kg đạm nguyên chất và 46 kg lân nguyên chất. Hiện nay, đa phần nguồn phân DAP được sử dụng tại Việt Nam chủ yếu từ nhập khẩu vì trong nước chưa sản xuất được (hoặc sản xuất số lượng quá ít, không đáng kể) (theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)

**Bảng 10.** Cơ cấu lao động của Công ty  
(Tại thời điểm 31/12/2011)

Stt	Tiêu chí thống kê	Số lượng	Tỷ trọng (%)
	<b>Tổng số CBCNV</b>	<b>2.839</b>	<b>100</b>
<b>A</b>	Phân chia theo trình độ đào tạo		
	- Trên ĐH	4	-
	- Đại học, cao đẳng	541	19
	- Trung cấp, Công nhân kỹ thuật	2.294	81
<b>B</b>	Phân chia theo Giới tính		
	- Nam	1.922	68
	- Nữ	917	32

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

## 9.2 Chính sách đối với người lao động

### 9.2.1 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Xuất phát từ nhu cầu thực tế phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn, Công ty chỉ tuyển dụng lao động khi có nhu cầu. Việc tuyển dụng căn cứ vào hồ sơ mà người lao động đến nộp tại Công ty. Tất cả đối tượng được tuyển dụng vào Công ty làm việc đều phải trải qua thời gian thử việc. Riêng tuyển dụng lao động có trình độ Đại học, trước khi thử việc phải qua kiểm tra sơ tuyển đánh giá trình độ chuyên môn. Kết thúc thời gian thử việc, nếu đạt yêu cầu, Công ty sẽ tiếp nhận và cho ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Thu nhập hàng tháng của người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, trên cơ sở bậc lương, ngày công và thái độ lao động.

Người lao động mới được tuyển dụng sẽ được huấn luyện đầy đủ để hội nhập môi trường làm việc mới, được tạo điều kiện trau dồi kiến thức, học tập thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, phù hợp với yêu cầu và vị trí công việc của người lao động: đối với công nhân được đào tạo thường xuyên, liên tục để củng cố và nâng cao tay nghề; đối với cán bộ quản lý được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, lập kế hoạch tổ chức.

### 9.2.2 Chính sách lương, thưởng

Mức lương của cán bộ công nhân viên Công ty gắn với từng thời kỳ phát triển, với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và với sự biến động của giá cả, lạm phát, nhưng luôn đảm bảo hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, để động viên người lao động, Công ty có các hình thức thưởng: thưởng tổng kết năm, thưởng sáng kiến tiết kiệm, thưởng thi đua quý, năm.

### 9.2.3 Chính sách trợ cấp người lao động

Người lao động đang làm việc mà có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc bị ốm đau phải đi điều trị tại bệnh viện thì được Công ty hỗ trợ thanh toán tiền viện phí và được trợ cấp khó khăn tùy thuộc vào từng hoàn cảnh. Người lao động khi chấm dứt hợp đồng, bị tai nạn nghề nghiệp, ... thì được Công ty hỗ trợ theo Bộ Luật Lao động và các quy định khác.

## 10. Chính sách cổ tức

Năm 2009, Công ty hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước và thực hiện phân phối lợi nhuận theo các văn bản pháp luật về quản lý tài chính tại Doanh nghiệp Nhà nước. Năm 2010 là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Với kết quả khả quan trong năm đầu tiên cổ phần hóa, ĐHĐCĐ năm tài chính 2010 ngày 19/04/2011 của Công ty đã thống nhất phương án trả cổ tức 40% trong đó 15% bằng tiền mặt, 25% bằng cổ phiếu. Ngày 13/05/2011, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền mặt 15% và bắt đầu thực hiện chi trả từ ngày 01/06/2011. Ngày 11/07/2011, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 4:1 (25%) theo đúng NQĐHĐCĐ.

Căn cứ trên NQ ĐHĐCĐ năm tài chính 2010 ngày 19/04/2011, nghị quyết số 445/NQ-SPLT về việc chi trả cổ tức năm 2011 và báo cáo tài chính quý III, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức năm 2011 vào ngày 30/11/2011 với tỷ lệ tạm ứng là 10%. Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2011 từ ngày 15/12/2011.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1 Trích khấu hao tài sản cố định

LAFCHEMCO thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 và Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Trong năm, Công ty thực hiện khấu hao nhanh bằng 2 lần mức khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải<sup>19</sup>. Số năm khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	04 - 15 năm

<sup>19</sup> Theo quy định tại Điều 13 của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC: “Các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ”.

## 11.2 Mức lương bình quân

**Bảng 11.** Mức lương bình quân của CBCNV Công ty

(Đơn vị: Đồng/tháng)

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011
1	Mức lương thấp nhất	3.000.000	3.500.000	3.800.000
2	Mức lương cao nhất	25.057.000	33.005.814	36.000.000
	Mức lương trung bình	4.176.180	5.500.969	6.000.000

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Mức lương bình quân của Công ty năm 2011 là 6 triệu đồng/người/tháng và ở mức cao so với các doanh nghiệp ở trong ngành cũng như so với các doanh nghiệp trong khu vực.

## 11.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

## 11.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Số dư các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại thời điểm 31/12/2009; 31/12/2010; 31/12/2011 như sau:

**Bảng 12.** Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011
Thuế GTGT	-	-	-
Thuế TNDN	273,02	48.643,95	45.927,94
Thuế tài nguyên	23,76	-	191,94
Thuế TNCN	-	499,12	1.507,92
Các khoản phí phải nộp khác	22,83	24,26	2,59
<b>Tổng cộng</b>	<b>319,61</b>	<b>49.167,33</b>	<b>47.630,38</b>

(Nguồn: BCTC KT năm 2009 CT Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, BCTC KT năm 2010, BC quyết toán năm 2011 CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Số dư thuế TNCN tại thời điểm 31/12/2011 tăng do trong năm Công ty trả tiền cổ tức năm 2010; khoản tiền thuế TNCN tính trên cổ tức này được khấu trừ tại nguồn là 572 triệu; ngoài ra tiền thuế TNCN của CBCNV trong năm của Công ty tăng lên.

## 11.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Năm 2009, Công ty phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ theo các văn bản pháp luật về quản lý

tài sản chính của Công ty Nhà nước<sup>20</sup>.

**Bảng 13.** Tình hình số dư tại các Quỹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011
Quỹ Đầu tư phát triển	28.641,33	-	20.138,96
Quỹ Dự phòng tài chính <sup>21</sup>	9.588,94	-	13.730,05
Quỹ khen thưởng phúc lợi	78.699,40	49.460,34	36.047,95

(Nguồn: BCTC KT năm 2009 CT Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, BCTC KT năm 2010, BC quyết toán năm 2011 CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Từ sau năm 2010, căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm, Hội đồng Quản trị sẽ đề xuất và ĐHĐCĐ quyết định trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Theo NQ ĐHĐCĐ năm tài chính 2010, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ đầu tư phát triển lần lượt là 5% và 7% lợi nhuận sau thuế năm 2010.

#### **11.6 Tổng dư nợ vay**

Công ty không có nợ vay quá hạn. Tình hình dư nợ vay của Công ty như sau:

**Bảng 14.** Tổng dư nợ vay

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011
1	Vay và nợ ngắn hạn	1.154.797,49	580.935,02	648.171,26
2	Vay và nợ dài hạn	64.631,00	87.023,38	95.785,04
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.219.428,49</b>	<b>667.958,40</b>	<b>743.956,30</b>

BCTC KT năm 2009 CT Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, BCTC KT năm 2010, BC quyết toán năm 2011 CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

**Một số khoản vay Ngân hàng chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011:**

Đơn vị: đồng

STT	Ngân hàng cho vay	Lãi suất trung bình	Số dư tại 31/12/2011	Thời gian đáo hạn
1	<b>Vay và Nợ dài hạn</b>	-		
	NH Công thương Phú Thọ	16%	26.605.753.500	12/2013

<sup>20</sup> Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 và Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

<sup>21</sup> Trong quý III năm 2011, Công ty đã sử dụng 654,9 triệu đồng quỹ Dự phòng tài chính



	NHTMCP Quân đội	14%	69.719.290.629	12/2013
<b>2</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	-		
	NH NN Supe Lâm Thao	15%	49.224.121.409	02/2012
	NN Công Thương ĐH	15%	59.658.500.339	01/2012
	NH Công thương Phú Thọ	15%	325.178.707.353	12/2012
	NHTMCP Quân đội	16,4%	86.708.697.291	02/2012
	NHTMCP Quốc tế	16%	32.884.757.743	11/2012
	NH TMCP Hàng Hải	16%	51.521.973.117	02/2012
	NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	16%	9.937.802.177	01/2012

(Nguồn: Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

### 11.7 Tình hình công nợ hiện nay

#### - Các khoản phải thu

**Bảng 15. Các khoản phải thu**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011
Phải thu khách hàng	121.846	366.920	349.537
Trả trước người bán	1.187	7.111	24.943
Phải thu nội bộ ngắn hạn	0	0	0
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	0	0	0
Các khoản phải thu khác	1.025	805	1.131
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	.	-3.048	-4.886
<b>Tổng cộng</b>	<b>124.058</b>	<b>371.788</b>	<b>370.724</b>

(Nguồn: BCTC KT năm 2009 CT Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, BCTC KT năm 2010, BC quyết toán năm 2011 CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Là doanh nghiệp sản xuất mặt hàng thiết yếu cho người dân (phân bón) nên Công ty có chính sách bán hàng linh hoạt cho khách hàng, đảm bảo cho người dân có khả năng sản xuất, do đó các khoản phải thu có xu hướng tăng trong các năm qua.

Số dư trả trước cho người bán tăng tại thời điểm 31/12/2011 do cuối năm Công ty thanh toán trước tiền nhập khẩu nguyên liệu (lưu huỳnh) (số dư trả trước do nhập khẩu lưu huỳnh là 19,6 tỷ).

Dự phòng trích lập dự phòng phải thu khó đòi tăng trong 2011 do Công ty có khoản nợ quá hạn thanh toán căn cứ vào thông tư hướng dẫn 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và theo tuổi nợ của khoản nợ năm 2011, Công ty trích lập dự phòng bổ sung của khoản nợ đó là 1,838 tỷ.

**Bảng 16.** Một số khoản phải thu khách hàng chính tại 31/12/2011

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khách hàng	Dư nợ tại 31/12/2011
1	Cty CP dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận	8013
2	Cty CP Khang Nông Bình Thuận	0
3	Công ty TNHH Anh Đức	9,930
4	Cty cổ phần Vật tư KTNN Bắc Giang	32,432
5	Doanh nghiệp tư nhân Tuệ Linh	3,960
6	Cty TNHH thương mại Tuấn Tú - Hải Dương	5,030
7	Công ty cổ phần Kim chính - HD	2,792
8	Công ty CP xuất nhập khẩu vật tư Hà Nội	0
9	Cty CP Tập Đoàn Hoàng Sơn	29,421
10	Công ty CP Phùng Hưng	12,793
11	Doanh nghiệp tư nhân Quốc Anh	34
12	TT tư vấn hỗ trợ & giải quyết việc làm ND- ĐBiên	1
13	CTy TNHH như linh Lâm Đồng	2,012
14	Cty CP Vật tư No Lạng Sơn	3,139
15	Doanh nghiệp tư nhân Đáp Thành	3,809
16	HND Tỉnh Sơn La	3,974
17	Cty TNHH TM vật tư tổng hợp Toàn Văn Thái Bình	3,872
18	Cty CP dịch vụ thương mại Hồng Thắng	17,667
19	Cty TNHH ánh Dương	27,332
20	Cty Cổ phần TM Thiệu Yên Thanh Hoá	27,864
<b>Tổng cộng</b>		<b>194,075</b>

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

- Các khoản phải trả

**Bảng 17.** Các khoản phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.593.470,16</b>	<b>1.052.366,05</b>	<b>1.258.297,27</b>
Vay và nợ ngắn hạn	1.154.797,49	580.935,02	648.171,26
Phải trả người bán	301.263,87	217.354,18	356.667,33

Người mua trả tiền trước	85.090,12	51.439,71	52.820,85
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	319,61	49.167,33	47.630,38
Phải trả người lao động	24.637,79	48.582,96	61.785,38
Chi phí phải trả	771,97	0,00	0,00
Phải trả nội bộ	0,00	0,00	0,00
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	0,00	0,00	0,00
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26.589,31	55.426,51	55.174,13
Dự phòng phải trả ngắn hạn	0,00	0,00	0,00
Quỹ khen thưởng phúc lợi <sup>22</sup>	-	49.460,34	36.047,95
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>64.631,00</b>	<b>89.418,82</b>	<b>100.913,95</b>
Phải trả dài hạn người bán	0,00	0,00	0,00
Phải trả dài hạn nội bộ	0,00	0,00	0,00
Phải trả dài hạn khác	0,00	0,00	0,00
Vay và nợ dài hạn	64.631,00	87.023,38	95.785,04
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0,00	0,00	0,00
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0,00	2.395,44	5.128,91
Dự phòng phải trả dài hạn	0,00	0,00	0,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.658.101,16</b>	<b>1.141.784,87</b>	<b>1.359.211,22</b>

(Nguồn: BCTC KT năm 2009,2010 CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao;

BC quyết toán năm 2011 CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

## 11.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,47	1,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,40	0,70	0,55
<b>Chỉ tiêu cơ cấu vốn</b>				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,75	0,61	0,61
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,01	1,59	1,57
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				

<sup>22</sup> Từ năm 2010, Công ty thực hiện hạch toán Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Thông tư 224/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp

Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,17	2,80	3,12
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,53	1,77	1,99
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,13	7,97	7,28
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,16	48,32	37,31
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,26	14,14	14,47
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,74	10,39	9,42

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Các chỉ tiêu về hệ số thanh toán, cơ cấu vốn và năng lực hoạt động phần nào phản ánh một đặc thù hoạt động của Công ty là quá trình luân chuyển hàng tồn kho chậm do đó Công ty phải huy động một lượng vốn lớn tài trợ cho hàng tồn kho.

Với lượng hàng tồn kho lớn đã khiến cho hệ số thanh toán nhanh của Công ty giảm mạnh so với hệ số thanh toán ngắn hạn. Bên cạnh đó, do sử dụng thường xuyên các khoản vay ngắn hạn để tài trợ cho hàng tồn kho nên trong cơ cấu vốn của Công ty, nợ chiếm tỷ trọng lớn.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cho thấy những thay đổi trong hiệu quả hoạt động của Công ty qua các năm, đặc biệt so với trước khi cổ phần hóa. Trong năm 2011, các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của Công ty mặc dù giảm nhẹ so với năm 2010, nhưng vẫn ở mức cao so với năm 2009. Do một số chi phí phát sinh trong năm 2011 tăng, đi kèm với áp lực do vốn chủ sở hữu tăng trong kỳ (Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2011) dẫn tới các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, đặc biệt là chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm 2011 có sự giảm sút với cùng kỳ năm 2010.

## 12. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 12.1 Hội đồng Quản trị Công ty

#### a. Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Quốc Tuấn
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 130830873      do: CA Phú Thọ      cấp ngày: 10/11/1997.
- Ngày tháng năm sinh: 10/01/1952
- Nơi sinh: Xã Xuân Huy, Huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Xã Xuân Huy, Huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
  - Địa chỉ thường trú: Số 17 ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, Đồng Đa, Hà Nội
  - Trình độ văn hoá: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
  - Quá trình công tác:
    - 5/1977 – 5/1983 Kỹ sư Kỹ thuật, Phân xưởng ô tô, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
    - 6/1983 – 7/1993 Quản đốc phân xưởng, Phân xưởng ô tô, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
    - 8/1993 – 11/1996 Giám đốc Xí nghiệp, XN vận tải, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
    - 12/1996 – 12/2001 Phó Giám đốc ty Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
    - 1/2002 – 9/2005 Giám đốc Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
    - 10/2005 – 1/2006 Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam
    - 2/2006 - 2010 Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
    - 07/2010 - nay Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
  - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
    - ✓ Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
  - Số cổ phần nắm giữ: 10.710.625 cổ phần
- Trong đó:*
- ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - ✓ Đại diện phần vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.710.625 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có):

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Phạm Thị Minh Loan	Vợ	62.500

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**b. Ông Tạ Đức Lương – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Tạ Đức Lương
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 130831785 do: CA Phú Thọ cấp ngày: 07/03/2006.

- Ngày tháng năm sinh: 15/03/1952
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Lâm Thao, Huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - 1974 - 1978 Học tại ĐH Xây dựng
  - 1978 - 1981 Công tác tại Đại học Xây Dựng – Phó bí thư Đoàn trường
  - 1981 - 1984 Kỹ thuật viên phân xưởng vật liệu xây dựng, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1984 - 1987 Phó quản đốc phân xưởng vật liệu xây dựng, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1988 - 1991 Thường trực kiểm tra ban kiểm tra đảng uỷ, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1991 - 1992 Quản đốc phân xưởng supe 2, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1992 -1996 Giám đốc xí nghiệp supe 2, Công ty Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1997 - 1998 Chủ tịch công đoàn, Công ty Supe Lâm Thao - Phú Thọ.
  - 1998 - 2002 Phó giám đốc Công ty Supe Lâm Thao - Phú Thọ, Chủ tịch Công đoàn Công ty Supe Lâm Thao.
  - 2002 - 2009 Phó giám đốc, bí thư đảng uỷ Công ty Supe Lâm thao - Phú Thọ
  - 2010 - nay Bí thư Đảng uỷ, Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty Cổ phần Supe Phát pháI và Hóa chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Bí thư Đảng uỷ, Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty Cổ phần Supe Phát pháI và Hóa chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - ✓ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bao bì và Thương mại Lâm Thao
- Số cổ phần nắm giữ: 5.414.750 cổ phần
- Trong đó:*
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 9.750 cổ phần
  - ✓ Đại diện phần vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 5.405.000 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có): Không



- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**c. Ông Nguyễn Duy Khuyển - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Nguyễn Duy Khuyển
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 130810308 do: CA Phú Thọ cấp ngày: 27/06/2010.
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1955
- Nơi sinh: Xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Số 79, khu 10, Thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 02103825136
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:
  - 1978 - 1981 Kỹ sư chế tạo máy, viện luyện kim Thái Nguyên.
  - 1981 - 1986 Kỹ sư cơ khí, phân xưởng cơ khí, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1987 - 1988 Kỹ sư cơ khí, phòng thiết kế, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1988 - 1992 Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công ty Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1992 - 2000 Phó phòng tiêu thụ điều vận, Công ty Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 2000 - 2002 Kỹ sư - Trưởng phòng kế hoạch thị trường, Công ty Supe Lâm Thao – Phú Thọ.
  - 2002 - 2005 Kỹ sư - Trưởng phòng kinh doanh. Công ty Supe Lâm Thao – Phú Thọ.
  - 2005 - 2009 Phó giám đốc, Công ty Supe Lâm Thao – Phú Thọ.
  - 2010 – 12/2010 Phó Tổng Giám đốc Công ty
  - 2011 - nay Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 5.408.750 cổ phần

*Trong đó:*

- ✓ Sở hữu cá nhân: 3.750 cổ phần
- ✓ Đại diện phần vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 5.405.000 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có):

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Vũ Thị Nguyệt	Vợ	64.625

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**d. *Chữ Văn Nguyên - Ủy viên Hội đồng quản trị***

- Họ và tên: Chữ Văn Nguyên
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 010107947 do: CA Hà Nội cấp ngày: 24/08/2005.
- Ngày tháng năm sinh: 01/05/1954
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: P.405 – C5B – Ngõ 17 phố Hoàng Ngọc - Phách Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư – Tiến sỹ Hóa học
- Quá trình công tác:
  - Năm 1977 đến 1979 Nghiên cứu viên – Viện nghiên cứu hóa học
  - Năm 1979 đến 1982 Giảng viên – Trường Sĩ quan Hóa học
  - Năm 1982 đến 1987 Giảng viên – Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
  - Năm 1987 đến 1996 Nghiên cứu viên chính, Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ Phụ trách phòng điện hóa, viện Hóa học Công nghiệp
  - Năm 1996 đến 2001 Nghiên cứu sinh tiến sỹ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
  - Năm 2002 đến 2006 Chuyên viên chính, Ban Kỹ Thuật – TCT Hóa chất Việt Nam
  - Năm 2006 đến 2007 Phó trưởng ban Kỹ thuật, Ban kỹ thuật - TCT Hóa chất Việt Nam
  - Năm 2008 đến nay Trưởng ban Kỹ thuật, Ban kỹ thuật – TCT Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - ✓ Ủy viên HĐQT Công ty CP Hóa Chất Việt Trì
  - ✓ Ủy viên HĐQT Công ty CP Phân lân Văn Điển
- Số cổ phần nắm giữ: 5.405.000 cổ phần
- Trong đó:*
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - ✓ Đại diện phần vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 5.405.000 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**e. Ông Nguyễn Văn Quý - Ủy viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Quý
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 013240055 do: CA Hà Nội cấp ngày: 14/11/2009.
- Ngày tháng năm sinh: 18/07/1965
- Nơi sinh: Sai Nga, Cẩm Khê, Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sai Nga, Cẩm Khê, Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: 32b ngõ 42, Chùa Hà, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - 1983 - 2008 Công tác tại Công ty Supe Lâm Thao
  - 2008- 2010 Chánh văn phòng Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam
  - 2011- nay Phó bí thư thường trực Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó bí thư thường trực Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam, Ủy viên HĐQT Công ty CP Pin Ác quy Vĩnh Phú.
- Số cổ phần nắm giữ: 5.405.000 cổ phần
- Trong đó:*
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - ✓ Đại diện phần vốn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam : 5.405.000 cổ phần

- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có): Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**f. Ông Lê Hồng Thắng – Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng**

- Họ và tên: Lê Hồng Thắng
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 130830898 do: CA Phú Thọ cấp ngày: 27/03/2006.
- Ngày tháng năm sinh: 16/07/1966
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Khu 5 Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
  - 1988 - 2001 Phòng Tài chính – Kế toán, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 2001 - 2002 Phó phòng Tài chính – Kế toán, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 2002 – 2003 Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 2003 - 2009 Kế toán trưởng – Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 2009- nay Kế toán trưởng, Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng, Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 5.407.500 cổ phần

Trong đó:

- ✓ Sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần
- ✓ Đại diện phần vốn Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam: 5.405.000 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có):

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
-----	-----------	------------------------	--------------------

1	Lê Hồng Sơn	Em	2.250
---	-------------	----	-------

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**g. Ông Nguyễn Khang – Ủy viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Nguyễn Khang
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 120995340 do: CA Bắc Giang cấp ngày: 13/06/2007.
- Ngày tháng năm sinh: 24/04/1955
- Nơi sinh: Tân Dân, Yên Dũng, Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Dân, Yên Dũng, Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: 135 đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Chính trị
- Quá trình công tác:
  - 1974 – 1985 Công tác tại Quân khu 5
  - 1985 – 7/1997 Công tác tại UBND huyện Lạng Giang – tỉnh Bắc Giang
  - 8/1997 – 12/2002 Giám đốc Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông Nghiệp Bắc Giang
  - 2003 – nay Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc CTCP Vật tư KTNN Bắc Giang
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - ✓ Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Vật tư KTNN Bắc Giang
  - ✓ Ủy viên HĐQT CTCP XNK Hà Anh
- Số cổ phần nắm giữ: 390.625 cổ phần
- Trong đó:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - ✓ Đại diện phần vốn CTCP Vật tư KTNN Bắc Giang: 390.625 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có): Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**12.2 Thành viên Ban Kiểm Soát**

**a. Ông Nguyễn Văn Hiệu - Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hiệu
  - Giới tính: Nam
  - Số CMND/ hộ chiếu: 012609617      do: CA Hà Nội      cấp ngày: 06/07/2007 .
  - Ngày tháng năm sinh: 02/03/1963
  - Nơi sinh: Xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, Tỉnh Nam Hà
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, Tỉnh Nam Hà
  - Địa chỉ thường trú: Nhà B9 – BT 05 Khu đô thị mới Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
  - Trình độ văn hoá: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
  - Quá trình công tác:
    - 3/1987 đến 10/1991      Kế toán Tổng hợp Công ty que hàn Việt Đức
    - 11/1991 đến 12/1995      Kế toán Tổng hợp Tổng CT Hóa Chất Công nghiệp và Hóa chất tiêu dùng Việt Nam
    - 01/1996 đến nay      Kế toán Tổng hợp, Kiểm toán nội bộ, Ủy viên thường trực Ban kiểm soát, Hàm trưởng ban Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
  - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng BKS Công ty
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
    - ✓ Hàm trưởng ban Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam,
    - ✓ Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng,
    - ✓ Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Tài chính Hóa Chất Việt Nam,
    - ✓ Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Phân Đạm và Hóa Chất Hà Bắc.
  - Số cổ phần nắm giữ: 1.250 cổ phần
  - Trong đó:
    - ✓ Sở hữu cá nhân: 1.250 cổ phần
  - Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có):
- | STT | Họ và tên         | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|-------------------|------------------------|--------------------|
| 1   | Phạm Thị Hồng Hội | Vợ                     | 6.250              |
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**b. Ông Phạm Khắc Toan - Thành viên Ban kiểm soát**



- Họ và tên: Phạm Khắc Toan
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 130678105      do: CA Phú Thọ      cấp ngày: 21/02/2006 .
- Ngày tháng năm sinh: 30/12/1952
- Nơi sinh: Khoái Châu, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đại Tập, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Khu 11 Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, kỹ sư hóa vô cơ
- Quá trình công tác:
  - 1978 - 1984      Phòng Thiết kế, XN cơ khí, XN A2
  - 1984 - 1993      Cơ khí trưởng phòng Thiết kế, XN Supe 2
  - 1993 - 1997      Phó Giám đốc XN Supe 2
  - 1997 - 2003      Giám đốc XN Supe 2
  - 2003 - 2007      Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghiệp
  - 2007 - nay      Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Công đoàn Công ty, Thành viên BKS Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 11.375      cổ phần
- Trong đó:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 11.375      cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có):

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Hà Thị Thảo	Vợ	10.000

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**c. Ông Nguyễn Duy Việt - Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Duy Việt
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 130294873      do: CA Phú Thọ      cấp ngày: 27/03/2006.

- Ngày tháng năm sinh: 10/01/1953
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiên Kiên, Lâm Thao, Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
  - 1977 - 1978 Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây dựng số 3 Vĩnh Phú
  - 1978 - 1988 Đội trưởng Công ty Xây dựng Bắc Hà Tuyên
  - 1988 - 1999 Cán bộ kỹ thuật Phòng Cơ khí, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 1999 – 2004 Phó Phòng Tổ chức – Đào tạo, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 2004 – 2008 Trưởng phòng Tổ chức – Đào tạo, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 2008 – 2010 Trưởng phòng Tổ chức – Lao động, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 2010 - nay Trưởng phòng Tổ chức – Lao động, Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS, Trưởng phòng Tổ chức lao động – Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần
- Trong đó:*
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có): Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**d. Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Giang
- Giới tính: Nữ
- Số CMND/ hộ chiếu: 024519401 do: CA Tp HCM cấp ngày: 12/04/2008.
- Ngày tháng năm sinh: 28/07/1983
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 101/12 Nguyễn Chí Thanh, phường 9, Quận 5 Tp HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - 2005 - 2006 Chuyên viên tài chính, Công ty I.RA Property Managment, USA
  - 2006- nay Trưởng phòng đầu tư, Công ty VinaCapital Corporate Finance Ltd.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - ✓ Trưởng phòng Đầu tư, VinaCapital Corporate Finance Ltd;
  - ✓ Thành viên BKS CTCP Chế biến Hàng xuất Khẩu Cầu tre;
  - ✓ Thành viên BKS CTCP Vinacafe Biên Hòa.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có): Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**e. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Thúy
- Giới tính: Nữ
- Số CMND/ hộ chiếu: 012454203 do: CA Hà Nội cấp ngày: 05/07/2001 .
- Ngày tháng năm sinh: 25/01/1958
- Nơi sinh: Sai Nga, Cẩm Khê, Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sai Nga, Cẩm Khê, Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: 180 Hoàng Sâm, Nghĩa Đô, Cầu Giấy
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:
  - 12/1978 đến 1984 Phòng Thiết kế, Phòng Tài vụ - ban Thiết kế mở rộng NM Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 1985 đến 3/2000 Kế toán nhà ăn 3, kế toán phòng tài vụ Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao

- 4/2000 đến nay Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - ✓ Trưởng BKS Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần
- Trong đó:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có):

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Văn Dân	Chồng	8.750
-	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
-	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không	
-	Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không	

### **12.3 Thành viên Ban Tổng Giám Đốc**

**a. Ông Nguyễn Duy Khuyển - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Như mục 12.1 c**

**b. Ông Trần Ngọc Bách - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Trần Ngọc Bách
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 130810316 do: CA Phú Thọ cấp ngày: 24/03/2006.
- Ngày tháng năm sinh: 22/10/1953
- Nơi sinh: Xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, kỹ sư hóa vô cơ – phân bón
- Quá trình công tác:
  - 1971 - 1976 Bộ đội
  - 1976 - 1981 Sinh viên trường Đại học Xây dựng
  - 1982 - 1983 Kỹ sư phân xưởng nước, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1983 - 1986 Kỹ sư, đốc công phân xưởng axit 2, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.

- 1986 - 1988 Kỹ thuật phân xưởng axit 1, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1988 - 1990 Phó quản đốc phân xưởng axit 1, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1990 - 1992 Phó quản đốc phân xưởng axit 2, nhà máy Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 1992 - 1996 Phó giám đốc xí nghiệp axit 2, Công ty Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú
  - 1996 - 2000 Phó bí thư đảng ủy, Công ty Supe Lâm Thao - Vĩnh Phú.
  - 2000 - 2001 Phó bí thư đảng ủy - trưởng phòng kỹ thuật công nghệ, Công ty Supe Lâm Thao - Phú Thọ.
  - 2002 - 2003 Trưởng phòng kỹ thuật công nghệ, Công ty Supe Lâm Thao - Phú Thọ.
  - 2003 - 2005 Trợ lý phó giám đốc kỹ thuật, Công ty Supe Lâm Thao - Phú Thọ.
  - 2005 - 2009 Phó giám đốc kỹ thuật, Công ty Supe Lâm Thao - Phú Thọ.
  - 2010 - nay Phó Tổng Giám đốc Công ty
  - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch hội Cựu chiến binh Công ty.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
    - ✓ Ủy viên Ban chấp hành hội Cựu chiến binh tỉnh Phú Thọ
    - ✓ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Supe Lâm Thao
  - Số cổ phần nắm giữ: 4.750 cổ phần
  - Trong đó:
    - ✓ Sở hữu cá nhân: 4.750 cổ phần
  - Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có):
- | STT | Họ và tên   | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|-------------|---------|--------------------|
| 1   | Lê Thị Xuân | Vợ      | 14.375             |
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**c. Ông Phạm Quang Tuyền - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Phạm Quang Tuyền
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 130082579 do: CA Phú Thọ cấp ngày: 26/11/2007.
- Ngày tháng năm sinh: 29/11/1961

- Nơi sinh: Lâm Thao, Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 39, khu 14, thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 02103825419
- Trình độ văn hoá: Lớp 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
  - 11/1984 – 12/1997 Cán bộ kỹ thuật, Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 12/1997 – 5/2004 Phó trưởng phòng Xây dựng cơ bản - Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 7/2004 – 5/2010 Trưởng phòng Xây dựng cơ bản - Công ty Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
  - 6/2010 - nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần

*Trong đó:*

- ✓ Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Phạm Thị Minh Yến	Em	3.000
2	Phạm Thị Chúc Thúy	Em	2.625
3	Phạm Thị Huyền	Em	16.500
4	Phạm Thị Hà	Em	1.875

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**d. Ông Nguyễn Thành Công - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Nguyễn Thành Công
- Giới tính: Nam
- Số CMND/ hộ chiếu: 130 122 177 do: CA Phú Thọ cấp ngày: 06/6/2011



- Ngày tháng năm sinh: 31/8/1962
- Nơi sinh: Xuân Lũng - Lâm Thao – Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xuân Lũng - Lâm Thao – Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Khu 5 Thị trấn Hùng Sơn - Lâm Thao - Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 02103825139
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:
  - Từ 1985 – 1999 Kỹ sư cơ khí, Phân xưởng A xít số 2, Công ty Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao
  - Từ 1999-2001 Cán bộ kỹ thuật, Phòng Cơ điện, Công ty CP Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao
  - Từ 2001-2005 Phó trưởng phòng Cơ điện, Công ty CP Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao
  - Từ 2005-2011 Trưởng phòng Cơ điện, Công ty CP Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao
  - Từ tháng 11/2011 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty CP Cơ khí Supe Lâm Thao Phú Thọ
- Số cổ phần nắm giữ: 2.875 cổ phần
- Trong đó:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 2.875 cổ phần
- Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ (nếu có):

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Lê Thị Lê Hằng	Vợ	53.375

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

#### **12.4 Kế toán trưởng - Ông Lê Hồng Thắng**

Như mục 12.1f

### 13. Tài sản

**Bảng 2. Tình hình tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2010**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
<b>TSCĐ Hữu hình</b>	<b>870.550,01</b>	<b>628.756,70</b>	<b>241.793,30</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	321.314,51	212.109,14	109.205,37
Máy móc, thiết bị	381.139,70	289.795,74	91.343,96
Phương tiện vận tải	127.430,81	90.272,23	37.158,58
TSCĐ dùng trong quản lý	40.451,81	36.366,41	4.085,40
TSCĐ khác	213,18	213,18	0,00
<b>TSCĐ Vô hình</b>	<b>4.988,33</b>	<b>3.434,33</b>	<b>1.554,00</b>
Quyền sử dụng đất	1.384,00	0,00	1.384,00
TSCĐ Khác	3.604,33	3.434,33	170,00
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang<sup>23</sup></b>			<b>52.897,45</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010 của CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

**Bảng 3. Tình hình tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2011**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
<b>TSCĐ Hữu hình</b>	<b>928.918,60</b>	<b>727.646,50</b>	<b>201.272,10</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	343.280,04	241.151,16	102.128,88
Máy móc, thiết bị	406.275,15	340.300,41	65.974,74
Phương tiện vận tải	138.063,16	106.078,13	31.985,03
TSCĐ dùng trong quản lý	41.087,07	39.903,62	1.183,45
TSCĐ khác	213,18	213,18	0,00
<b>TSCĐ Vô hình</b>	<b>5.439,24</b>	<b>3.672,97</b>	<b>1.766,27</b>
Quyền sử dụng đất	1.384,00	0,00	1.384,00
TSCĐ Khác	4.055,24	3.672,97	382,27
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>			<b>44.687,78</b>

(Nguồn: Báo cáo quyết toán năm 2011 của CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

### 14. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức các năm tiếp theo

<sup>23</sup> Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí cho dự án Cải tạo dây chuyền Supe 1 và 2 đang được thực hiện.

#### 14.1 Kế hoạch Doanh thu - Lợi nhuận

**Bảng 4. Kế hoạch Doanh thu - Lợi nhuận trong các năm tiếp theo**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010	Năm 2011		Năm 2012 <sup>24</sup>	
		Thực hiện 2011	% so với 2010	Giá trị	% so với 2011 (%)
Doanh thu thuần	3.608.503	4.056.162	12,41	4.200.000	3,55
Vốn điều lệ	432.400	540.500	25,00	600.000	11,01
Lợi nhuận trước thuế	383.630	393.400	2,55	380.000	-3,41
Lợi nhuận sau thuế <sup>25</sup>	287.722	295.472	2,69	285.000	-3,54
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	7,97	7,28	-0,69	6,79	-0,50
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	66,54	54,67	-11,87	47,50	-7,17
Tỷ lệ cổ tức (%)	40%	35% <sup>26</sup>	-5,00	15%	-20,00

(Nguồn: CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao)

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân bón phục vụ cho nông nghiệp, hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc khá lớn vào thời tiết, đối tượng sử dụng là các hộ nông dân, doanh thu của Công ty cũng có phần biến động. Bên cạnh đó, tỷ giá và giá lưu huỳnh nhập khẩu trong thời gian tới có thể biến động khó lường, ảnh hưởng lớn tới chi phí sản xuất của Công ty. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty luôn thận trọng trong việc đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh và luôn có những điều chỉnh hợp lý nhằm đạt lợi ích tối đa cho các cổ đông.

#### 14.2 Căn cứ đặt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng căn cứ trên việc tính toán và dự báo chi tiết sản lượng tiêu thụ phân bón từ các địa bàn, đối tác kinh doanh truyền thống.

Việt Nam là một nước có ngành nông nghiệp chiếm vai trò rất quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế. Hiện tại sản xuất nông nghiệp đã và đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, yêu cầu về năng suất, chất lượng của sản phẩm nông nghiệp ngày càng cao. Do vậy, nhu cầu sử dụng phân bón trong sản xuất Nông – Lâm nghiệp sẽ phát triển theo hướng ngày càng tăng về số lượng, chất

<sup>24</sup> Căn cứ tình hình thực tế Công ty sẽ điều chỉnh kế hoạch năm 2012 đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

<sup>25</sup> Lợi nhuận sau thuế ước tính cho các năm tiếp theo = Lợi nhuận trước thuế \* (1 - thuế suất)

<sup>26</sup> Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 10% vào ngày 30/11/2011. Căn cứ tình hình 09 tháng đầu năm, HĐQT Công ty dự kiến trả cổ tức 35% trong đó 15% bằng tiền mặt, 20% bằng cổ phiếu. HĐQT sẽ căn cứ trên kết quả kinh doanh cả năm để lên kế hoạch trả cổ tức cho năm 2011 và trình ĐHĐCĐ trong kỳ họp tới.

lượng. Công ty hiện nay hàng năm sản xuất 750.000 tấn Supe lân và 700.000 tấn NPK trên tổng sản lượng sản xuất của cả nước là gần 1 triệu tấn Supe lân/ năm và 4,5 triệu tấn NPK/năm. Công ty cũng đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm trong năm 2010, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Theo NQ ĐHĐCĐ thường niên ngày 19/04/2011, Công ty đặt kế hoạch kinh doanh năm 2011 gồm doanh thu thuần là 3.900 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế là 225 tỷ đồng. Căn cứ theo kết quả đạt được 09 tháng; HĐQT Công ty đã điều chỉnh kế hoạch năm trong đó kế hoạch Doanh thu thuần là 4.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đặt ra là 380 tỷ đồng (theo NQ HĐQT số 445/NQ-SPLT ngày 07/10/2011). Theo báo cáo quyết toán năm 2011 của Công ty, Công ty đạt được 4.056 tỷ doanh thu; lợi nhuận trước thuế đạt 393 tỷ, vượt kế hoạch đặt ra.

Với sản lượng tiêu thụ được đảm bảo, giả định mức giá bán được duy trì như hiện tại trong bối cảnh môi trường vĩ mô, các chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp ổn định như hiện tại, Công ty tin tưởng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức đề ra là hoàn toàn khả thi.

#### 15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của LAFCHEMCO

Với tư cách là tổ chức tư vấn, để đánh giá kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, KLS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay cũng như dự báo kết quả kinh doanh của Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao cho giai đoạn 2011 - 2012. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao dự kiến trong giai đoạn 2011 - 2012 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

*Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.*

#### 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

- Không có.

#### 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

- Không có.

**PHẦN V: CỔ PHIẾU NIÊM YẾT**

**1. Tên cổ phiếu:**

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao

**2. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết:**

**54.050.000** (Năm mươi tư triệu không trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu

**3. Loại cổ phiếu:**

Cổ phiếu phổ thông

**4. Mệnh giá:**

10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu

**5. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:**

540.500.000.000 (Năm trăm bốn mươi tỷ năm trăm triệu) đồng.

**6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty**

- **Hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đối với cổ đông sáng lập:** Công ty không có cổ đông sáng lập (xem thêm tại Mục 4.2 Phần IV của Bản Cáo bạch).
- **Hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đối với các đối tượng đặc biệt mua cổ phiếu trong đợt cổ phần hóa Công ty:**

Theo điều 6 mục 3 khoản d Nghị định của Chính Phủ số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành CTCP: “Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 03 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”. Trong đợt cổ phần hóa Công ty, CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Giang là cổ đông chiến lược đã mua 312.500 cổ phiếu. Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/12/2009. Do đó, CTCP Vật tư KTNN Bắc Giang sẽ bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phiếu trên đến ngày 29/12/2012.

Theo điều 35 mục 2 khoản c Nghị định của Chính Phủ số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2007 về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành CTCP: “Tổ chức Công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ hợp pháp (của công đoàn) tại doanh nghiệp cổ phần hóa (không huy động, vay vốn) để mua cổ phần nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần này do Tổ chức Công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng”. Trong đợt cổ phần hóa Công ty, Công đoàn Công ty đã mua 150.000 cổ phiếu. Do đó, số cổ phiếu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng.

- **Hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng:**

Theo quy định hiện hành: “Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc

hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.<sup>27</sup>

Như vậy số cổ phiếu thuộc sở hữu mà các thành viên trên nắm giữ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng, cụ thể như sau:

**Bảng 5. Danh sách cổ đông nội bộ và số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng kèm theo**

STT	Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP cam kết nắm giữ trong 6 tháng	Số CP cam kết nắm giữ trong 6 tháng tiếp theo
<b>I. Cá nhân</b>					
1	Nguyễn Quốc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	0	0	0
2	Tạ Đức Lương	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	9.750	9.750	4.875
3	Nguyễn Duy Khuyến	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	3.750	3.750	1.875
4	Chữ Văn Nguyên	Ủy viên HĐQT	0	0	0
5	Nguyễn Văn Quý	Ủy viên HĐQT	0	0	0
6	Lê Hồng Thắng	Ủy viên HĐQT kiêm Kế Toán trưởng	2.500	2.500	1.250
7	Nguyễn Khang	Ủy viên HĐQT	0	0	0
8	Nguyễn Văn Hiệu	Trưởng BKS	1.250	1.250	625

<sup>27</sup> Tiết đ khoản 1 điều 8 Nghị định của Chính phủ số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.



STT	Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP cam kết năm giữ trong 6 tháng	Số CP cam kết năm giữ trong 6 tháng tiếp theo
9	Phạm Khắc Toan	Ủy viên BKS	11.375	11.375	5.688
10	Nguyễn Duy Việt	Ủy viên BKS	1.000	1.000	500
11	Nguyễn Thị Hương Giang	Ủy viên BKS	0	0	0
12	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Ủy viên BKS	5.000	5.000	2.500
13	Trần Ngọc Bách	Phó Tổng Giám đốc	4.750	4.750	2.375
14	Phạm Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	3.000	3.000	1.500
15	Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	2.875	2.875	1.438
<b>II. Tổ chức</b>					
1	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Giang – đại diện phần vốn : Ông Nguyễn Khang - Ủy viên HĐQT		390.625	390.625	195.313
	<b>Tổng</b>		<b>435.875</b>	<b>435.875</b>	<b>217.938</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao ngày 20/12/2011)

## 7. Giá niêm yết dự kiến

Do sự biến động giá khó lường của thị trường chứng khoán nói chung và giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường tự do nói riêng cùng với việc quá trình hoàn thiện các thủ tục đăng ký niêm yết có thể kéo dài nên Công ty sẽ quyết định, thông báo và cập nhật đăng ký giá tham chiếu chính thức tại Công văn đăng ký ngày giao dịch đầu tiên trước khi chính thức giao dịch cổ phiếu.

## 8. Phương pháp tính giá

❖ **Phương pháp tính giá tham chiếu dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên:**

Giá tham chiếu do Công ty xác định dựa trên các phương pháp sau đây:

Phương pháp định giá cổ phiếu theo hệ số Giá/Giá trị sổ sách (P/B),

Phương pháp định giá theo hệ số giá trên thu nhập (P/E),

Và các phương pháp định giá khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi Công ty quyết định mức giá tham chiếu dự kiến được nêu ở phần trên (phần V.7 – Giá niêm yết dự kiến), Công ty sẽ bổ sung phương pháp tính giá để làm căn cứ tính ra mức giá niêm yết dự kiến.

Ngoài ra, để các nhà đầu tư có thêm thông tin tham khảo, chúng tôi xin được tính toán giá trị sổ sách 01 cổ phiếu của Công ty tại những thời điểm gần nhất như sau:

❖ **Giá trị sổ sách của cổ phiếu**

**Công thức tính:**

Nguồn vốn Chủ sở hữu

$$\text{Giá trị sổ sách (BV)} = \frac{\text{Nguồn vốn Chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

**Giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm 31/12/2010:**

$$\text{BV} = \frac{719.847.465.744}{43.240.000} = 16.648 \text{ đồng}$$

**Giá trị sổ sách của cổ phần tại thời điểm 31/12/2011:**

$$\text{BV} = \frac{863.952.339.373}{54.050.000} = 15.985 \text{ đồng}$$

**9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty đại chúng.

Do vậy, Nhà đầu tư nước ngoài chỉ được nắm giữ tối đa 49% tổng số lượng cổ phiếu lưu hành của LAFCHEMCO.

Tại ngày 20/12/2011, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 7,24%.

## 10. Các loại thuế có liên quan

### a. Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

#### *Thuế thu nhập cá nhân*

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức:*

Theo qui định trong Thông tư số 84/2008/TT-BTC “*Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân*”, ban hành ngày 30/09/2008, và Thông tư số 62/2009/TT-BTC “*Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC*” ban hành ngày 27/03/2009, nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức (*đối với cổ tức bằng tiền*). Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{cổ tức nhận được} \times \text{thuế suất } 5\%.$

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

Cũng theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại khác theo quy định của Luật Chứng khoán thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất } 20\%$

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng} \times \text{Thuế suất } 0,1\%$

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1%.

### b. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

#### *Thuế Thu nhập Doanh nghiệp*

Kể từ năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Các loại thuế và mức thuế suất khác tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

**TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG**



**Trụ sở chính** : 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội  
**Điện thoại** : (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131  
**Chi nhánh Hồ Chí Minh** : Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, HCM  
**Điện thoại** : (84-8) 3823 3923 Fax: (84-8) 3827 7380  
**Website** : [www.kls.vn](http://www.kls.vn)

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM**

**Trụ sở chính** : 160 Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội  
**Điện thoại** : (84-4) 3868 9566 Fax: (84-4) 3868 6248  
**Website** : [www.kiemtoanava.com.vn](http://www.kiemtoanava.com.vn)

**LÂM THAO**

**PHẦN VII: PHỤ LỤC**

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao;
3. Nghị Quyết ĐHĐCĐ thông qua phương án niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội;
4. Báo cáo tài chính kiểm toán 2009, 2010, BC quyết toán năm 2011 của Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao;
5. Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban KS, Kế toán trưởng;
6. Các tài liệu liên quan khác.



Phủ Thọ, ngày 20 tháng 02 năm 2012

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN QUỐC TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN DUY KHUYẾN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN VĂN HIỆU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ HỒNG THẮNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VINH THÀNH